

HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT – KINH DOANH DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐOÀN KẾT

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ:**

**TRANG TRẠI LỢN CÔNG NGHIỆP TẠI THÔN CU HOAN,
XÃ CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

QUẢNG TRỊ, NĂM 2025

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ:**

**TRANG TRẠI LỢN CÔNG NGHIỆP TẠI THÔN CU HOAN,
XÃ CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CHỦ CƠ SỞ
HTX SẢN XUẤT – KINH DOANH
DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐOÀN KẾT**

Giám đốc



Võ Văn Sỹ

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	4
1. Tên chủ cơ sở.....	4
2. Tên cơ sở.....	4
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	5
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	5
3.3. Sản phẩm của cơ sở	6
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	6
5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở	10
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	12
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	12
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	13
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	15
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	23
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	24
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	25
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	27
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	27
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	29
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	32
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	32
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	35
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	36
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	37
1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải	37

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	37
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	38
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	38
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	38
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật	38
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	38
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.	39
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	40
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	41
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	42
PHỤ LỤC BÁO CÁO	43

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	BYT	Bộ Y tế
4	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
5	CP	Chính phủ
6	CTNH	Chất thải nguy hại
7	CTR	Chất thải rắn
8	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
9	KHKT	Khoa học kỹ thuật
10	KT-XH	Kinh tế - xã hội
11	NĐ	Nghị định
12	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
13	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
14	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
15	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
16	UBND	Ủy ban nhân dân

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Hợp tác xã Sản xuất – Kinh doanh dịch vụ tổng hợp Đoàn Kết.
- Địa chỉ văn phòng: Thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện: (Ông) Võ Văn Sỹ - Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0847.317.555.
- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 3200596071 do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Cam Lộ cấp ngày 30/5/2014, thay đổi lần thứ 1 ngày 19/11/2024.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ.
- Địa điểm cơ sở: Thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.
- Trang trại có vị trí tại thửa đất số 301, tờ bản đồ số 74 thuộc thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị) với diện tích là 10.387m².
- Ranh giới khu đất thực hiện Dự án như sau:
 - Phía Bắc: giáp với tuyến đường liên thôn Cu Hoan – Đại Nghĩa;
 - Phía Tây: giáp với đất trồng cao su của các hộ Phan Văn Huân, Nguyễn Văn Khanh và Cao Xuân Hóa;
 - Phía Nam: giáp với đất rừng tràm của hộ Nguyễn Ngọc Xuân;
 - Phía Đông: giáp tuyến đường quy hoạch rộng 10m của khu vực
- Văn bản, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án: Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 13/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường “Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ”
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có Tổng mức đầu tư xây dựng Dự án: 3.390.000.000 đồng, sử dụng vốn tự có và vốn vay ngân hàng. Thuộc Dự án nhóm C theo Tiêu chí của pháp luật về

đầu tư công.

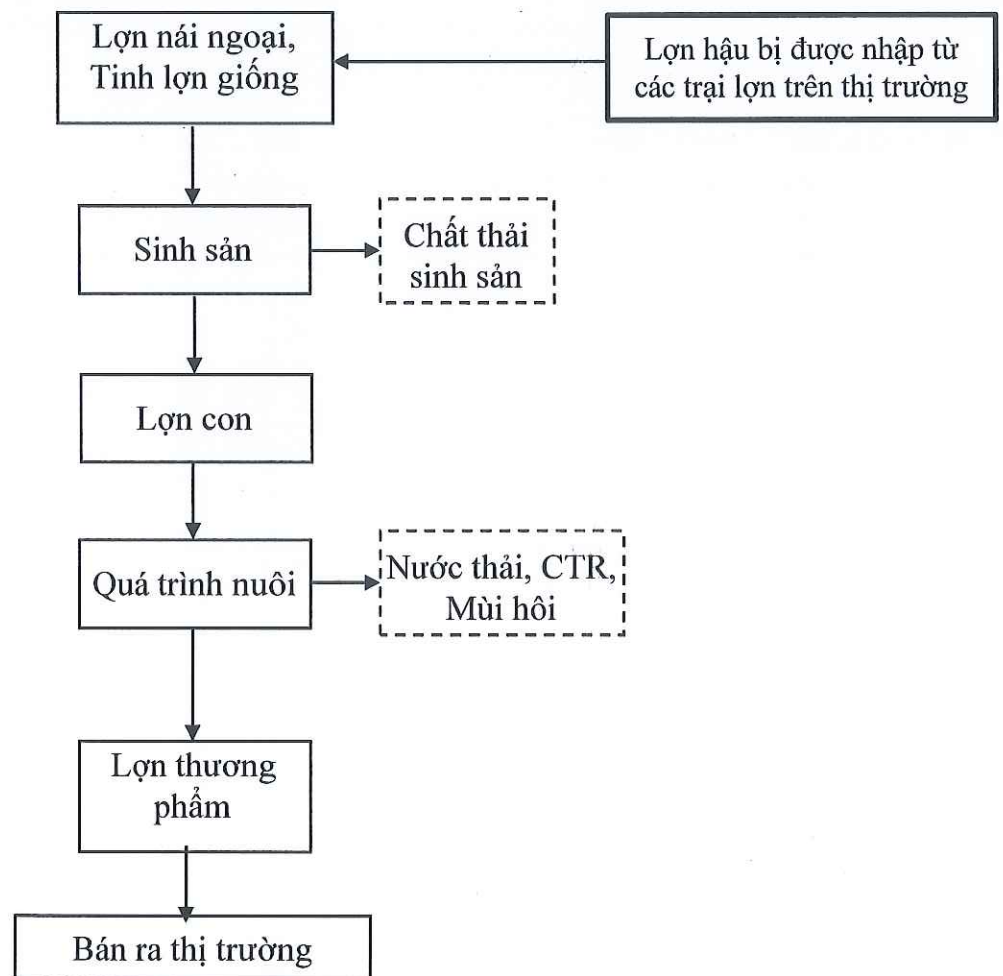
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Cung cấp lợn con, 800 lợn thương phẩm/lứa (2 lứa/năm) cho thị trường và lợn giống nhằm phục vụ tái đàn của Trang trại.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình chăn nuôi của Dự án được mô tả trong sơ đồ tổng thể sau:



Hình 1. Quy trình chăn nuôi của Trang trại

- Lợn nái của Trại được chăm sóc sinh ra lợn con mỗi năm 2 lứa, mỗi lứa đẻ trung bình khoảng 10 lợn con. Trong quá trình nuôi, lợn được theo dõi, một phần được bán giống ra thị trường và một phần sẽ được nuôi thành lợn thương phẩm.

- Lợn con trong quá trình sinh ra từ lợn nái của trang trại sẽ được chuyển qua

chuồng nuôi tương phẩm để chăm sóc. Lợn thương phẩm được nuôi khoảng 5 - 6 tháng, sau đó xuất bán cung cấp cho trong vùng và lân cận theo nhu cầu khách hàng.

- Lợn hậu bị được nhập từ các trại lợn giống uy tín trên thị trường để thay thế cho những lợn nái đã già, kém chất lượng. Lợn nái khi đã già và kém chất lượng sẽ được thải loại và bán ra thị trường.

- Lợn nái sau khi được phối giống khoảng gần 4 tháng sẽ sinh ra lợn con, lợn con được nuôi với lợn mẹ khoảng 20 - 30 ngày sẽ được tách mẹ đưa vào giai đoạn nuôi cai sữa, giai đoạn nuôi cai sữa được nuôi trong vòng 30 ngày, sau thời gian nuôi cai sữa, lợn con sẽ được đưa qua nhà nuôi lợn thương phẩm hoặc bán cho các cá nhân, đơn vị có nhu cầu.

Đối với nguồn giống: Để đảm bảo về chất lượng và các yêu cầu chặt chẽ của đơn vị cung cấp trong quá trình chăn nuôi của trang trại, Chủ dự án sẽ nhập nguồn tinh heo tại Công ty TNHH Butaphan Quảng Bình.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Lợn thịt: $800 \text{ con} \times 2 \text{ lứa/năm} \times 100\text{kg/con} = 160 \text{ tấn/năm}$.

Lợn nái: 200 con.

Lợn con: 2.000 con/lứa.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Về con giống: Cơ sở Chăn nuôi lợn thương phẩm theo hình thức tự cung tự cấp, trong đó lợn con, thức ăn, thuốc thú y sẽ do cơ sở chủ động Hợp đồng nhập từ các doanh nghiệp trong nước có uy tín lâu năm trên thị trường. Chủ Cơ sở đã xây dựng chuồng trại, trang bị các dụng cụ dụng thức ăn, vệ sinh chuồng trại theo đúng yêu cầu kỹ thuật chăn nuôi lợn công nghiệp.

4.2. Nhu cầu thức ăn chăn nuôi: Trang trại sử dụng thức ăn công nghiệp dùng riêng cho từng giai đoạn phát triển của lợn (không sử dụng thức ăn pha trộn): lợn con, lợn lứa, lợn nái, lợn thịt. Nguồn thức ăn công nghiệp được Cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH Butaphan Quảng Bình cung cấp.

Bảng 1. Nhu cầu thức ăn cho trang trại

STT	Giai đoạn nuôi	Loại thức ăn	Nhu cầu thức ăn (kg/con/ngày)		Số lượng (con)	Tổng lượng thức ăn (kg/ngày)
			Định mức	Tối đa		
1	Lợn con	Lợn con				
1.1	Lợn con từ 10-25 ngày tuổi	Lợn con	0,3-0,5	0,5	2.000	1.000
1.2	Lợn con sau cai sữa	Lợn con	0,7-0,79	0,8		1.400
2	Lợn thịt	Lợn thịt				
2.1	Giai đoạn từ 5,0-30 kg	Lợn con	0,5-1,5	1,5	800	1.200
2.2	Giai đoạn từ 30 -60kg	Lợn con	1,5-2,3	2,3		1.840
2.3	Giai đoạn 60kg đến xuất chuồng	Lợn thịt	2,3-2,7	2,7		2.160
3	Lợn nái	Lợn nái				
3.1	Nái mang thai	Lợn nái	2,5-3	3	200	600
3.2	Nái nuôi con	Lợn nái	5,0-5,5	5,5		1.100
3.3	Hậu bị	Lợn nái	2,5-3	3		600

4.3. Nhu cầu thuốc thú y, vắc-xin

Chủng loại thuốc thú y, vắc-xin, hóa chất khử trùng sử dụng tuân theo các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực Thú y (Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc - xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam). Về liều lượng sử dụng theo chỉ định của nhà sản xuất.

- Các vắc-xin sử dụng chủ yếu gồm: Dịch tả (Samonella), tụ huyết trùng, phó thương hàn, viêm phổi, chống còi, giả dại (Aujeszky), Dấu son, ...

- Các hóa chất khử trùng, tiêu độc chuồng trại và các loại thuốc thú y chủ yếu gồm: vôi, Lavecide, Benkocid, Chloramin...

- Thuốc tẩy ký sinh trùng: Ivermectin, Doramectin.

- Thuốc kháng sinh: Oxytetracyclin, Tetracyclin, Ampicyclin, ...

Nguồn cung cấp: Đây là các loại hóa chất được cho phép sử dụng rộng rãi trên thị trường, do cơ sở hợp đồng với Công ty TNHH Butaphan Quảng Bình cung cấp.

Bảng 2. Nhu cầu vắc-xin cho hoạt động chăn nuôi

TT	Tên thuốc	Chỉ dẫn	Cách dùng và liều lượng	Thể tích/khối lượng	Nhu cầu sử dụng/5 tháng (ml)
I Vắcxin trị bệnh					
1	Vắc xin phòng Phó thương hàn lợn, dạng nước	Dùng cho lợn ≥ 20 ngày tuổi. Miễn dịch 6 tháng	Tiêm bắp, hoặc dưới da, 1 liều 1ml	Lọ nhựa: 10-15-20 liều, hộp 10 lọ	3.000
2	Vắc xin phòng Đóng dấu lợn, dạng nước	Dùng cho lợn ≥ 2 tháng tuổi, miễn dịch 7-9 tháng	Tiêm bắp, hoặc dưới da, Mỗi liều 2ml/con	Lọ nhựa: 20 liều	2.000
3	Vắc xin phòng Tụ máu, dạng nước	Dùng cho lợn trên 2 tháng, miễn dịch 6 tháng	Tiêm bắp hoặc dưới da mỗi liều 2ml/con	Lọ nhựa: 45ml	2.000
II Thuốc kháng sinh					
1	Ampidexalone	Điều trị viêm ruột, tiêu chảy,..	Tiêm bắp sâu, 1ml/10kg thể trọng cơ thể.	Loại chai thủy tinh hộp 10 lọ, lọ 10ml.	1.000
2	Belcomycine	Nhiễm trùng huyết do Ecoli, viêm khớp truyền nhiễm	Tiêm bắp, 1ml/20kg thể trọng cơ thể	Loại chai thủy tinh lọ 10ml	1.000
3	Ketopen 10%	Trị kháng viêm, giảm đau, hạ nhiệt	Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch. 3ml/100kg trong lượng cơ thể. Chỉ tiêm 1 lần	Loại chai thủy tinh lọ 10 ml.	3.000
Tổng					12.000

Ghi chú: Theo quy trình chăn nuôi lợn công nghiệp của Công ty TNHH Butaphan Quảng Bình

Sát trùng chuồng trại bằng Chloramin dùng nồng độ 0,3 - 0,5% (3 - 5 g pha với 1 lít nước). Phun đều lên bề mặt chuồng trại. Cứ 250 lít dung dịch này phun cho 1.000 m² diện tích chuồng. Diện tích chuồng trại của dự án là 2.667m² cần 666 lít dung dịch, tương đương với lượng Chloramin khoảng 1.919 - 3.198 g/đợt khử trùng.

4.4. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp điện: Sử dụng nguồn điện lưới điện tại tuyến đường khu vực đưa về Trạm biến áp của dự án.

- Điện năng được sử dụng cho các mục đích: Chiếu sáng, sưởi ấm, bơm nước, làm lạnh, thắp sáng, sinh hoạt, ...

4.5. Nhu cầu sử dụng nước

- Nhu cầu nước sinh hoạt: Định mức 100 lít/người/ngày, lượng nước cấp cho sinh hoạt được tính toán như sau: 4 người \times 100 lít/người/ngày = 0,4 m³/ngày.

- Nước cấp cho hoạt động chăn nuôi: Căn cứ theo TCVN3772:1983 - Trại nuôi lợn yêu cầu thiết kế, nước cấp cho hoạt động chăn nuôi của Trang trại bao gồm nước cho lợn uống, nước làm mát và vệ sinh chuồng trại ... có định mức như sau:

Bảng 3. Lượng nước uống sử dụng cho lợn tại Cơ sở

TT	Giai đoạn nuôi	Mục đích sử dụng	Nhu cầu dùng nước (lít/con/ngày)		Số lượng (con)	Khối lượng nước (l/ngày.đêm)
			Định mức	Tối đa		
I	Lợn con	Nước lợn uống, nước rửa chuồng, tắm lợn			2.000	
1	Lợn con từ 10-30 ngày tuổi		5-7	7		14.000
2	Lợn con sau cai sữa		7-10	10		20.000
II	Lợn thịt				800	
1	Lợn cai sữa - 30 kg		12-14	14		11.200
2	Lợn từ 30 - 60kg		14-16	16		12.800
3	Lợn từ 60kg đến xuất chuồng		16-20	20	16.000	
III	Lợn nái				200	
1	Nái chữa		18-20	20		4.000
2	Nái nuôi con		20-23	23		4.600
3	Hậu bị	11,5-15	15	3.000		

Như vậy, nhu cầu cấp nước cho lợn uống, tắm rửa trong 1 ngày chọn tính theo mức nhu cầu lớn nhất cho lợn giai đoạn từ 60kg đến khi xuất chuồng: 40,6 m³/ng.đ

- Nước sử dụng cho làm mát chuồng nuôi: Trang trại sẽ sử dụng nước kết hợp với tấm giấy làm mát Cooling Pad dạng tổ ong được bố trí đầu hồi nhà nuôi (đối diện với đầu hồi bố trí quạt hút). Nước sẽ được chảy nhỏ giọt từ trên xuống qua các lỗ dạng tổ ong tạo điều kiện để không khí trao đổi nhiệt với nước và loại bỏ bụi bẩn. Lượng nước này được sử dụng là 4 m³/ngày.

- Nước cho tưới cây trong khuôn viên cơ sở chỉ sử dụng vào mùa khô, thời gian

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ

tưới vào buổi chiều với lượng nước sử dụng khoảng 2 m³/ngày (tận dụng nguồn nước thải sau xử lý để tưới).

Bảng 4. Tổng nhu cầu sử dụng nước tại Trang trại

STT	Hoạt động	Khối lượng (m ³ /ngày)	
		Định kỳ	Không định kỳ
1	Nước cấp nước sinh hoạt	0,4	-
2	Nước cấp cho hoạt động chăn nuôi	40,6	-
3	Nước sử dụng cho làm mát chuồng nuôi	4	-
4	Nước tưới cây	-	2
Tổng		45	2

Vậy, nhu cầu cấp nước cho Cơ sở cần cho hoạt động thường xuyên của Cơ sở là 45 m³/ng.đ và lượng nước không thường xuyên là 2m³/ng.đ.

- Nguồn cung cấp nước: Giếng khoan trong khuôn viên của trang trại.

5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

Cơ sở được xây dựng và đi vào hoạt động năm 2016, với quy mô các hạng mục công trình chính như sau:

Bảng 5. Quy mô các hạng mục công trình chính của Dự án

TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Hạng mục chính		2.590	24,94
1	Nhà lợn thương phẩm	02	990	9,53
2	Nhà lợn nái	02	1.200	11,55
3	Nhà lợn cai sữa	01	400	3,85
II	Hạng mục phụ trợ		1.188	11,44
1	Nhà kho thức ăn và thuốc thú y	01	150	1,44
2	Nhà ở công nhân	01	150	1,44

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ

TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
3	Nhà vệ sinh	01	50	0,48
4	Nhà sát trùng công nhân	01	30	0,29
5	BỂ chứa nước	03	30	0,29
6	Sân đường nội bộ		698	6,72
7	Nhà bảo vệ	01	20	0,19
8	Nhà sát trùng xe	01	60	0,58
III	Hạng mục BVMT		6.609	63,63
1	Cây xanh (cây tràm)	-	5.117	49,26
2	Hồ hủy xác (lợn bệnh, lợn chết)	01	74	0,71
3	CTR (60m ²), CTNH (20m ²)	01	80	0,77
4	Hệ thống xử lý phân, xử lý nước thải	-	1.000	9,63
5	Kho phân + ủ phân, bùn thải	-	338	3,25
	TỔNG		10.387	100

Nguồn: Hợp tác xã Sản xuất – Kinh doanh dịch vụ tổng hợp Đoàn Kết.

- Hình thức quản lý: Chủ dự án là Hợp tác xã Sản xuất – Kinh doanh dịch vụ tổng hợp Đoàn Kết trực tiếp quản lý.

- Thời gian thực hiện Dự án đến năm 2066.

- Chế độ làm việc và bố trí nhân lực:

+ Thời gian làm việc 365 ngày/năm.

+ Số lượng CBCNV giai đoạn hoạt động trực tiếp là 4 người.

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở và đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 107/QĐ-UBND ngày 13/01/2022, hiện nay không có sự thay đổi. Tuy nhiên, qua rà soát bổ sung thì Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ phù hợp với các quy hoạch, chiến lược phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt sau đây:

- Về quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia: Hiện nay, Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia đang được lập, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18/2/2020. Tuy nhiên, dự án này chỉ có tính chất xây dựng trang trại chăn nuôi ở vùng nông thôn thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh nên sẽ không đưa vào quy hoạch môi trường cấp Quốc gia.

- Về quy hoạch tỉnh: Hiện nay, Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định. Trong dự thảo báo cáo Quy hoạch tỉnh thì có mục tiêu phát triển ngành chăn nuôi: Con lợn: Từng bước khôi phục, ổn định lại sản xuất chăn nuôi lợn; khuyến khích tái đàn lợn ở các cơ sở chăn nuôi trang trại đảm bảo quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, kiểm soát được dịch bệnh và môi trường; Phấn đấu khôi phục đưa tổng đàn lợn năm 2025 lên 250.000 con và năm 2030 là: 360.000 con, trong đó đàn lợn ngoại và ngoại lai nuôi trang trại, công nghiệp đạt 50% vào năm 2025 và 70% vào năm 2030. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 30 ngàn tấn năm 2025 và 42 ngàn tấn năm 2030.

- Dự án phù hợp với các chủ trương, chính sách phát triển ngành chăn nuôi: Nghị quyết số 162/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ phát triển một số cây trồng vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026.

- Quyết định số 1520/QĐ-Ttg ngày 06/10/2020 về việc phê duyệt chiến lược phát triển phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, trong đó có nội dung:

+ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển bền vững và nâng cao sức cạnh tranh của ngành chăn nuôi. Đến năm 2030, sản xuất chăn nuôi nước ta thuộc nhóm các quốc gia tiên tiến trong khu vực.

+ Phát triển chăn nuôi lợn với các giống cao sản theo hướng trang trại công nghiệp, đồng thời mở rộng quy mô đàn lợn chăn nuôi theo hướng hữu cơ, truyền thống với các giống lợn bản địa, lợn lai giữa giống cao sản và giống bản địa. Tổng đàn lợn có mặt thường xuyên ở quy mô từ 29 đến 30 triệu con, trong đó đàn lợn nái từ 2,5 đến 2,8 triệu con; đàn lợn được nuôi trang trại, công nghiệp chiếm trên 70%.

- Chủ cơ sở được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 301, tờ bản đồ số 74 thuộc thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với diện tích là 10.387m², mục đích sử dụng đất nông nghiệp khác.

- Cơ sở phù hợp với quy định khoảng cách an toàn môi trường theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Dự án đảm bảo khoảng cách đến khu dân cư ($\geq 400\text{m}$); Trường học, bệnh viện, chợ ($\geq 500\text{m}$) và khoảng cách đến các Trang trại chăn nuôi khác ($\geq 50\text{m}$) theo Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi

- Nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Xây dựng hệ thống xử lý nước thải phù hợp với kinh phí và công nhân vận hành hệ thống. Chủ dự án đã xây dựng HTXLNT bao gồm: 01 hồ gom, 01 hầm biogas, 01 hồ lắng, 02 bãi lọc ngầm, 01 hồ sinh học

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Đối chiếu với Khoản e, Điều 42, Luật Bảo vệ Môi trường 2020 nêu rõ “Tại thời điểm cấp giấy phép môi trường, trường hợp Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thì việc cấp giấy phép môi trường được thực hiện căn cứ vào khoản a,b,d và đ”.

- Vì vậy, khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải tại khu vực sản xuất của cơ sở chưa có cơ sở để đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường tiếp nhận nước thải. Hiện nay, cơ sở đã cải tạo hệ thống xử lý nước thải, kết quả xử lý đạt cột B, 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi trước khi thoát ra khe Vực Dài của khu vực nằm cách Trang trại khoảng 90 m về phía Tây Nam.

- Nước thải sau khi xử lý: Một phần thải ra khe nước phía Tây Nam cơ sở; một phần được tận dụng để tưới vườn cây giúp giảm thiểu được các vấn đề môi trường phát sinh, mặt khác tận dụng được các chất hữu cơ còn tồn dư trong nước thải sau xử lý để tưới cây, giảm chi phí phân bón, chi phí sản xuất của người nông dân.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống rãnh thu, thoát nước mặt và hố ga được bố trí dọc theo biên tuyến đường trung tâm và đường nội bộ trang trại, bao gồm:

- Thoát nước mưa từ khu vực mái của từng chuồng nuôi được thu gom theo ống uPVC D90 dẫn xuống mương thu dưới đất tại mỗi dãy chuồng.

- Hệ thống ống thoát nước mưa tại Trang trại sử dụng mương hở, xây bằng bê tông, bố trí các hố ga để lắng các tạp chất trước khi nước mưa chảy xuống ke nước cạn phía Tây Nam khu vực trang trại.

- Hình thức thoát nước mưa: tự chảy theo hướng nghiêng của địa hình thoát ra khe Vực Dài nằm ở phía Tây Nam khu vực Trang trại.

(Sơ đồ tuyến thoát nước mưa kèm theo ở phụ lục).

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

- Hiện nay, nước thải sinh hoạt từ quá trình vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn kết cấu BTCT.

- Nước thải sau khi xử lý ở bể tự hoại 3 ngăn, qua hố thấm vào đất trong khuôn viên Cơ sở thuộc địa phận thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Định kỳ cơ sở thuê đơn vị Môi trường đô thị hút và xử lý đúng quy định.

1.2.2. Thu gom, thoát nước thải chăn nuôi

- Phân lợn được thu gom tại chuồng và nước thải từ khu vực chuồng trại sẽ được thu gom toàn bộ bằng các mương thoát nước thải kín bao quanh chuồng trại, đưa nước thải về hố gom. Sau đó, đổ vào hầm biogas. Hệ thống thu gom nước thải chuồng nuôi được thiết kế theo dạng vát góc có độ nghiêng dần về giữa dãy chuồng (tính theo mặt cạnh), đáy bằng bê tông M150; rãnh thu nước thải bằng ống PVC D250, dày 7,3mm và có hố ga thăm kích thước 1x1m.

- Các công trình thu gom, thoát nước thải chăn nuôi đã xây dựng: Cơ sở đã xây

dựng toàn bộ hệ thống máng gom BTXM, bố trí 01 ống thu bằng nhựa PVC dẫn vào hồ ga kết hợp thu nước, sau đó bố trí đường ống PVC có $D = 250\text{mm}$ dẫn xuống hầm chứa để về hồ gom. Nước thải từ hồ gom sẽ chảy vào hồ biogas để xử lý yếm khí sau đó chảy qua hồ lắng. Nước thải từ 01 hồ lắng sẽ tự chảy qua 02 bãi lọc ngầm (trồng hoa chuối để xử lý chất hữu cơ), nước thải sau khi qua 02 bãi lọc ngầm tự chảy qua hồ sinh học (trồng bèo thủy sinh để xử lý). Sau đó được xả ra khe nước cách điểm xả thải 90m về phía Tây Nam.

(Bản vẽ mạng lưới thu gom, thoát nước thải nêu trên kèm theo ở phụ lục)

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt từ quá trình vệ sinh của 4 CBCNV với khối lượng $0,4\text{m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn kết cấu BTCT. Tính toán kích thước của bể tự hoại:

- Áp dụng phương thức tính toán thiết kế bể tự hoại của *TS. Trần Đức Hạ - Xử lý nước thải sinh hoạt quy mô nhỏ và vừa - NXB KH&KT, Hà Nội 2002* để xây dựng bể phù hợp với lượng công nhân 4 người.

+ Thể tích phần lắng của bể tự hoại: $W_1 = a.N.T_1/1.000 \text{ (m}^3\text{)}$;

+ Thể tích phần chứa và lên men phân hủy cặn: $W_2 = b.N.T_2/1.000 \text{ (m}^3\text{)}$;

Tổng thể tích bể tự hoại (W, m^3): $W = W_1 + W_2$.

Trong đó:

N - số người sử dụng ($N=4$);

a - tiêu chuẩn thải nước của một người trong một ngày ($a = 100 \text{ L/người.ngày} \times 100\% = 100 \text{ L/người.ngày}$);

b - tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày; giá trị của b phụ thuộc vào chu kỳ hút cặn khỏi bể; nếu thời gian giữa hai lần hút cặn < 1 năm thì $b=0,1 \text{ L/người.ngày}$, nếu ≥ 1 năm thì $b=0,08 \text{ L/người.ngày}$;

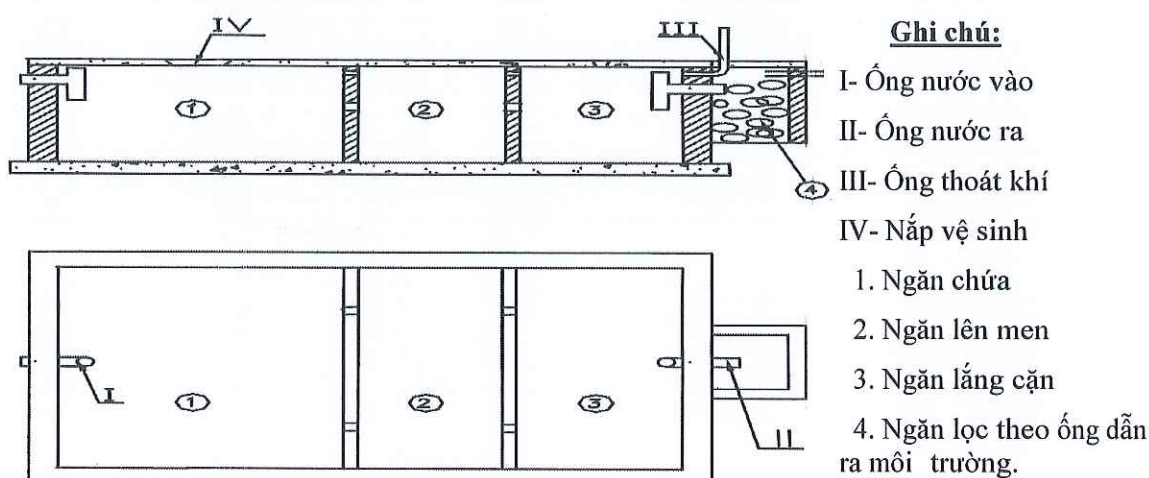
T_1 - thời gian lưu của bể tự hoại, thường lấy 1÷3 ngày (chọn 2 ngày);

T_2 - thời gian giữa hai lần hút bùn cặn lên men; ta tính cho thời gian 1 năm ($T_2 = 365 \text{ ngày}$);

Volume tích toàn bộ bể tự hoại là: $W = 2,1m^3$.

Hiện nay, cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 03 ngăn nhằm thu gom và xử lý nước thải từ quá trình vệ sinh phát sinh với thể tích $10m^3$. Đáp ứng nhu cầu hiện tại của Cơ sở cũng như khi có nhu cầu gia tăng số lượng CVCNV. Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn là lắng cặn và phân hủy cặn lắng, nước thải từ ngăn chứa 1 được dẫn qua ngăn thứ 2 và được lên men (các vi sinh vật yếm khí phân huỷ các hợp chất hữu cơ). Sau đó, được dẫn qua bể lắng cặn và lọc trước khi thấm qua bể lọc cát.

Sơ đồ bể tự hoại như sau:



Hình 2. Sơ đồ bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt

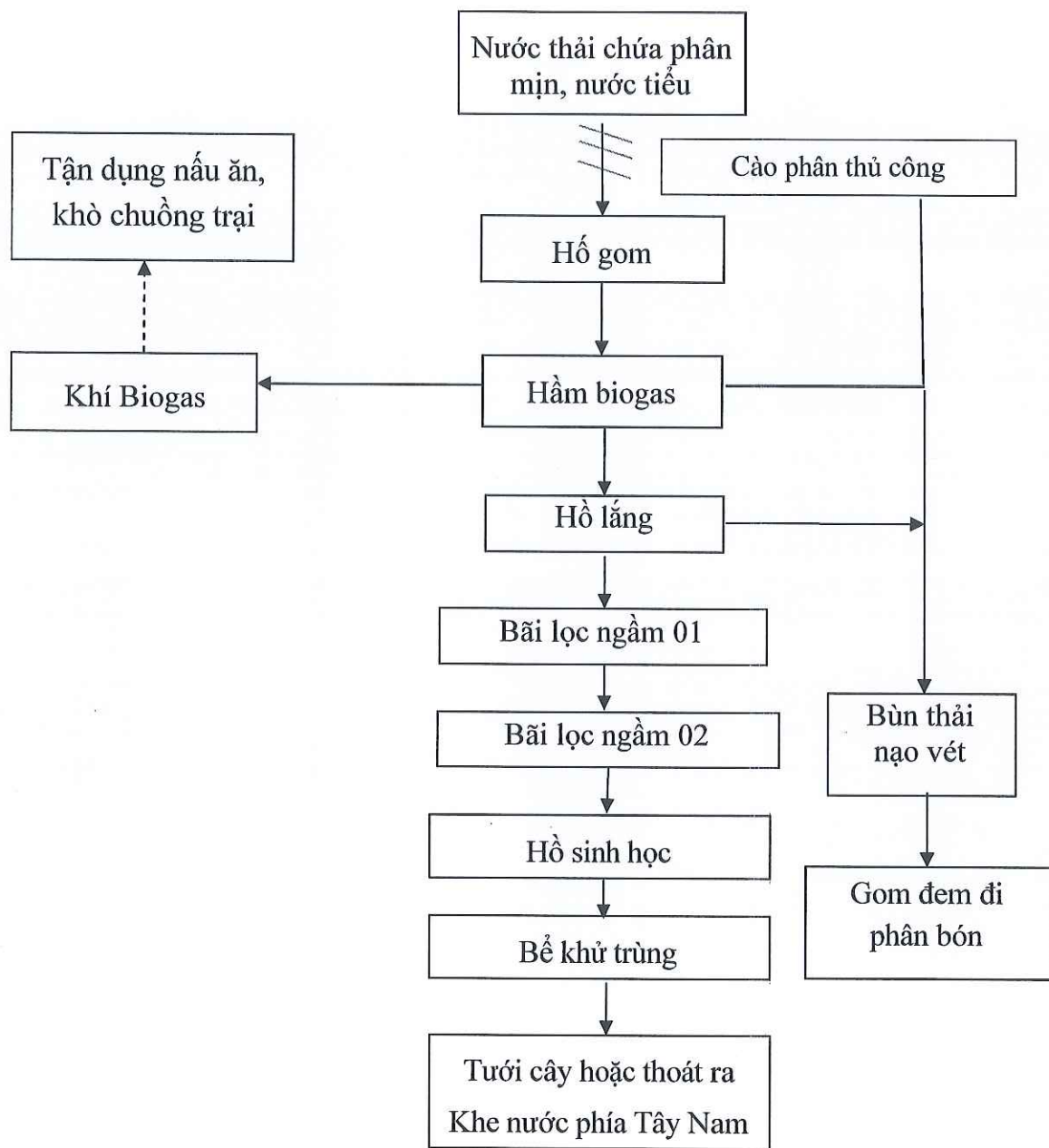
1.3.2. Xử lý nước thải chăn nuôi

Cơ sở đã tiến hành cải tạo và xây dựng hệ thống xử lý nước thải đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở. Đến nay đã hoàn thành và vận hành đúng quy định.

- Chức năng: Xử lý nước thải chăn nuôi.

- Công suất: Xử lý lượng nước thải chăn nuôi phát sinh khoảng $32,5 m^3$ /ngày đêm (lượng nước thải tính bằng 80% nước cấp, với lượng nước cấp là $40,6 m^3$ /ngày đối với hoạt động chăn nuôi).

- Quy trình xử lý nước thải chăn nuôi:



Hình 3. Hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi

Thuyết minh quy trình xử lý:

- Phân từ khu vực chuồng trại được thu gom thủ công bằng hình thức cào đưa vào hồ ủ phân định kỳ hằng ngày. Nước thải và một phần phân trộn lẫn trong nước thải từ khu vực chuồng trại sẽ được thu gom toàn bộ bằng các mương thoát nước thải kín bao quanh chuồng trại, đưa nước thải về hồ gom.

(1) Hồ gom:

- Có vai trò thu gom toàn bộ nước thải (đã được tách phân thủ công) sẽ đổ về hầm biogas. Hồ gom có kích thước (1,5×1,5×1,5)m

(2) Hầm biogas:

- Kích thước bề mặt: 24 x 22m; kích thước đáy: 18 x 16m; sâu 05m.

- Hầm biogas hoạt động theo chu trình gồm 2 giai đoạn tích khí và xả khí. Quá trình phân hủy chất hữu cơ trong điều kiện yếm khí làm giảm COD, BOD trong nước thải. Hầm được xây dựng bằng đất tự nhiên đầm nén chặt, đắp taluy chống thấm bằng bạt HDPE, phần phía trên cũng được phủ bằng lớp HDPE.

- Thời gian lưu giữ nước thải tại Hầm Biogas tối thiểu 45 ngày trở lên.

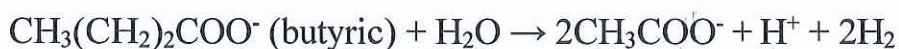
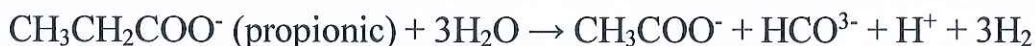
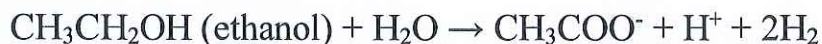
Tại đây các vi sinh vật kỵ khí sẽ hoạt động nhằm tách bỏ phần cặn lắng cũng như phân hủy các chất rắn lơ lửng trước khi được dẫn sang hồ điều hòa kết hợp lắng. Hầm biogas hoạt động theo chu trình gồm 4 giai đoạn tích khí và xả khí, Quá trình phân hủy chất hữu cơ trong điều kiện yếm khí làm giảm COD, BOD trong nước thải xảy ra 4 giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1: (Giai đoạn thủy phân) Phân mới nạp vào bắt đầu quá trình lên men vi sinh, Dưới tác dụng của các loại men khác nhau do nhiều loại vi sinh vật tiết ra (vi khuẩn Clostridium, bipiclobacterium, bacillus gram âm không sinh bào tử, staphylococcus), các chất hữu cơ phức tạp như cacbonhydrat, protein, lipit dễ dàng bị phân hủy thành các chất hữu cơ đơn giản, dễ bay hơi như etanol, các axit béo như axit axetic, axit butyric, axit propionic, axit lactic.... và các khí CO₂, H₂ và NH₃. Quá trình này tương ứng khi phân tươi mới nạp vào, sự lên men kỵ khí được diễn ra nhanh chóng, các “túi khí” được tạo thành, như là chiếc phao, làm cho nguyên liệu nhẹ và nổi lên, thành vầng ở lớp trên.

- Giai đoạn 2: (Giai đoạn Axit hóa) là giai đoạn lên men, hay giai đoạn đầu của quá trình bán phân hủy, nhờ các vi khuẩn Acetogenic bacteria (vi khuẩn tổng hợp axetat), chuyển hóa các cacbonhydrat và các sản phẩm của giai đoạn 1 như Albumozpepit, Glyxerin và các axit béo thành các axit có phân tử lượng thấp hơn, như C₂H₅COOH, C₃H₇COOH, CH₃COOH, một ít H₂ và CO₂.... Quá trình này sản sinh các sản phẩm lên men tạo mùi khó chịu hôi thối như H₂S, indol, scatol, pH của môi trường dịch phân hủy ở dưới 5.

- Giai đoạn 3: (Giai đoạn Axetat hóa) Các vi khuẩn tạo Metan chưa thể sử dụng được các sản phẩm của các giai đoạn trước (1 và 2) để tạo thành Metan, nên

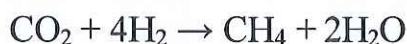
phải phân giải tiếp tục để tạo thành các phân tử đơn giản nhỏ hơn nữa (trừ axit acetic), nhờ các vi khuẩn Axetat hóa, Sản phẩm của quá trình phân giải này gồm axit acetic, H₂, CO₂.



Giai đoạn này, nhờ các vi khuẩn Axetat hóa phân giải các sản phẩm của giai đoạn trước tạo nhiều sản phẩm H₂, và nó được vi khuẩn Metan sử dụng cùng với CO₂ để hình thành Metan (CH₄), bắt đầu giai đoạn phân hủy. Lúc này các chất bã hữu cơ phân hủy mủn ra thành các phân tử nhỏ, lơ lửng trong dịch thải, pH của môi trường dịch bể phân hủy chuyển sang kiềm và tối ưu ở khoảng 6,8 – 7,8.

Giai đoạn 4: (giai đoạn metan hóa) Đây là giai đoạn cuối cùng của quá trình phân giải kỵ khí tạo thành hỗn hợp sản phẩm, trong đó khí CH₄ chiếm thành phần lớn. Quá trình hình thành khí CH₄ được đồng thời, bằng 3 con đường:

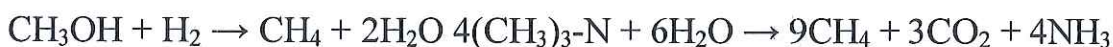
+ Nhờ vi khuẩn hydrogenotrophic methanogen sử dụng cơ chất là hydro và CO₂:



+ Nhờ vi khuẩn acetotrophic methanogen chuyển hóa axetat thành metan và CO₂, Khoảng 70% lượng metan sinh ra bằng con đường này



+ Nhờ vi khuẩn methylotrophic methanogen phân giải cơ chất chứa nhóm methyl:



Trong các nghiên cứu, cho thấy rằng: trong 3 giai đoạn đầu (thủy phân, acid hóa và acetic hóa) thì: lượng COD hầu như không giảm, COD chỉ giảm trong giai đoạn metan hóa, giai đoạn cuối cùng của quá trình phân giải kỵ khí. Ngoài các sản phẩm chính tạo metan, còn có các sản phẩm NH₃, H₂S, C₈H₇N (indol), C₉H₉N (scatol) gây mùi thối.

- Định kỳ 02 năm một lần hệ thống biogas được nạo vét bằng bơm hút bùn và đưa đi xử lý.

- Khi phát hiện hầm biogas bị hỏng (xì, thủng), không sinh khí sẽ cho công nhân kiểm tra và vá ngay chỗ bị hỏng.

Sau khi xử lý bằng hầm biogas, nước thải tiếp tục được xử lý qua hồ lắng, 02 bãi lọc ngầm và hồ sinh học.

(3) Hồ lắng:

- Kích thước bề mặt: 20 x 15m; sâu 3m.

- Hồ lắng tiếp nhận nước thải từ hệ thống hầm biogas nhằm lắng các cặn, bùn ở trong nước trước khi qua bãi lọc ngầm

- Nước thải từ hồ lắng tự chảy qua bãi lọc ngầm, khi phát hiện hồ có nhiều bùn lắng cặn, tiến hành hút vét bùn đáy đưa lên khu vực ủ phân bón ở hồ tách phân.

(4) 02 Bãi lọc ngầm:

- Bãi lọc ngầm 01 có kích thước, bề mặt: 28 x 18m; sâu 1,3m.

- Bãi lọc ngầm 02 có kích thước, bề mặt: 25 x 10m; sâu 1,3m.

- Các lớp vật liệu lọc ngược từ đáy lên gồm: Đá hộc dày 30cm → Đá 2x4 dày 30cm → Đá 1x2 dày 20cm → trồng hoa chuối.

- Nước thải từ hồ lắng sẽ được chảy qua bãi lọc ngầm 01 (lọc ngược) → bãi lọc ngầm 02 (lọc thuận). Bãi lọc ngầm thực chất là Bãi lọc ngập nước (Wetlands), là hệ sinh thái ngập nước với mực nước xấp xỉ bề mặt đất và được cấy trồng các loại thực vật trong điều kiện đất ẩm. Trên đã tiến hành trồng hoa chuối. Thực vật sử dụng năng lượng mặt trời để hấp thụ Cacbon từ khí quyển và chuyển hoá thành các chất hữu cơ là nguồn năng lượng cung cấp cho các hoạt động sống và phát triển của các vi khuẩn dị dưỡng (động vật, vi khuẩn và nấm). Bãi lọc ngập nước có khả năng phân huỷ, chuyển hoá các chất hữu cơ và các chất khác. Với khả năng đó, bãi lọc ngập nước nhân tạo được sử dụng để làm sạch nước trước khi đưa qua hồ sinh học.

Tại đây, công nhân của Trại sẽ thường xuyên cắt tỉa cây khi cây quá tốt, theo dõi tình trạng lọc của bể để tránh các trường hợp tắc lọc và xử lý. Khi phát hiện sự cố tắc tại 04 ống lọc ngược: Cho công nhân kiểm tra và sử dụng dây để kéo thông ống (đã luồn sẵn trong các đường ống), quá trình thông ống có thể kết hợp thêm bơm áp lực nhằm tăng cường hiệu quả thông ống.

(5) Hồ sinh học:

- Kích thước bề mặt: 33 x 26m; sâu 3m.

- Hồ sinh học Hồ sinh học tiếp nhận nước thải từ hệ thống bãi lọc ngầm để tiếp tục hoàn thiện quá trình xử lý, tại đây nuôi cá (cá trê, cá rô phi...) hệ động thực vật thủy sinh này sẽ có chức năng xử lý làm giảm nồng độ các chất thải nói trên. Nước thải sau khi qua hồ sinh học sẽ được dẫn qua bể khử trùng trước khi xả ra môi trường.

(6) Bể khử trùng:

Được xây dựng bằng BTCT, phía trên mặt bể bố trí 01 bồn Composite để chêm hóa chất khử trùng bán tự động. Loại hóa chất được dùng là Clorin dạng bột được hòa tan cùng nước trước khi châm vào bể.

- Nước thải từ các hồ sẽ được chảy theo hình thức tự chảy, các hồ được nối với nhau bằng ống nhựa PVC Φ110.

- Nước thải tại hồ sinh học: Một phần sẽ được bố trí 01 máy bơm công suất 02hp để bơm nước tưới cho vườn cây cách hồ sinh học khoảng 10m. Trường hợp không thể tưới vào mùa mưa, nước thải sẽ được xả ra khe nước, cách điểm xả thải 90m về phía Tây Nam.

- Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng: Quá trình xử lý sẽ tiến hành kết hợp phun tiêu độc, khử trùng chế phẩm khử mùi EM định kỳ 02 lần/tuần.

- Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý: Với thực tế tại cơ sở, kết quả quan trắc chất lượng nước thải sau khi được xử lý qua các năm, hàm lượng các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng và các chất ô nhiễm khác đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B, $K_q=0,9$; $K_f=1,3$).

Để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống, Chủ cơ sở đã tiến hành phối hợp với Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Minh Hoàng tiến hành lấy mẫu để đánh giá hiệu quả xử lý (phiếu phân tích được đính kèm tại phụ lục báo cáo). Kết quả phân tích cụ thể như sau:

Bảng 3.2. Kết quả phân tích mẫu nước thải

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B)
1	pH	-	8,02	5,5-9
2	TSS	mg/l	25	150

3	COD	mg/l	118,03	300
4	BOD	mg/l	49,7	100
5	Tổng N	mg/l	144,7	150
6	Coliform	MPN/100ml	2.900	5.000

- Nhận xét: Qua bảng kết quả phân tích trên có thể thấy, tất cả các thông số ô nhiễm sau khi qua xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép của của cột B - QCVN 62-MT:2016/BTNMT Quy chuẩn Quốc gia về nước thải chăn nuôi. Điều đó cho thấy hệ thống xử lý bãi lọc ngầm của trang trại đang xử lý hiệu quả, đảm bảo việc xử nước thải phát sinh từ trang trại

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

* Khí thải từ hầm biogas:

Chủ cơ sở thực hiện biện pháp xử lý tại hầm biogas bằng cách thiết kế hầm biogas có che phủ với hệ thống thu hồi khí. Thành phần chính của Biogas là CH_4 (60-70%) và CO_2 (~30%) còn lại là các chất khác như hơi nước N_2 , O_2 , H_2S , CO ,... được thủy phân trong môi trường yếm khí, xúc tác nhờ nhiệt độ từ 20 - 40°C. Phần lớn khí thải sẽ được tận dụng để đốt khô khử trùng chuồng trại và nấu ăn cho các công nhân trong trang trại. Trường hợp hầm biogas sinh khí quá lớn, sẽ tiến hành xả khí gas trong hầm chứa bằng cách xả ống dẫn gas đến mức an toàn (quá trình hoạt động của trang trại cho thấy lượng khí ga chỉ đủ để khô khử trùng và nấu ăn, chưa có trường hợp khí ga thừa). Hầm biogas được thiết kế kín hoàn toàn, phía trên được thiết kế lớp phủ bằng nhựa HDPE để tăng cường khả năng tận thu khí đồng thời tránh phát sinh mùi.

* Giảm thiểu ô nhiễm do mùi hôi từ phân và nước tiểu:

- Hệ thống chuồng trại được thiết kế thông thoáng và được phân ra nhiều dãy chuồng. Trong chuồng có bố trí hệ thống hút mùi bằng các quạt hút làm mát ở đầu hồi nhà nuôi để làm thông thoáng cho chuồng trại.

- Mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý phân, nước thải được hạn chế bằng cách thiết kế hầm biogas có che phủ với hệ thống thu hồi khí.

- Đối với mùi hôi phát sinh từ kho chứa thức ăn gia súc được hạn chế bằng cách không lưu thức ăn gia súc quá lâu và thiết kế nhà kho đảm bảo thông thoáng, giảm khả năng phát sinh mùi tập trung, cục bộ. Kho thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, thức ăn gia súc được sắp xếp gọn gàng, duy trì điều kiện bảo quản tốt để hạn chế khả

năng phát sinh mùi do thức ăn rơi vãi, bị ẩm mốc.

- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại bằng các dụng cụ như chổi, xẻng (trang trại không sử dụng nước để vệ sinh và tắm cho lợn) để phân lợn không bị ứ đọng trên nền chuồng gây mùi hôi. Tần suất vệ sinh chuồng 1 lần/ngày.

- Dọc theo ranh giới của trang trại được trồng cây xanh vừa tạo cảnh quan thoáng mát vừa có tác dụng hạn chế mùi hôi có thể phát tán ra môi trường xung quanh. Diện tích cây xanh được trồng là 5.177 m², chiếm tỷ lệ 49,26%.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho các công nhân trực tiếp lao động.

*** Giảm thiểu mùi hôi từ hoạt động vận chuyển lợn:**

- Lợn trước khi xuất chuồng sẽ được tắm rửa sạch sẽ chờ khô ráo rồi mới đưa lên xe vận chuyển.

- Đối với xe vận chuyển phải được che chắn 2 bên thùng để hạn chế đến mức thấp nhất mùi phát tán theo gió.

- Dưới các thùng chở lợn sẽ được lắp đặt máng để hứng phân, nước tiểu hoặc rải các lớp đệm lót để ngấm nước tiểu (mùn cưa, cát), việc làm này sẽ hạn chế rất lớn việc nước tiểu chảy ra đường giao thông vừa gây mất mỹ quan vừa phát sinh mùi hôi.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- Công trình lưu giữ CTR sinh hoạt: lượng phát sinh khoảng 2kg/ngày, tiến hành nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định đồng thời tiến hành việc phân loại rác tại nguồn. Việc phân loại rác tại nguồn sẽ được tiến hành như sau:

+ Đối với CTR là các loại vỏ lon, chai nhựa... sẽ được thu gom để riêng và bán phế liệu;

+ Đối với CTR hữu cơ như vỏ hoa quả, thức ăn thừa... sẽ được phân loại và để vào hố ủ phân hữu cơ, sau khi đầy sẽ được chôn lấp.

+ Đối với CTR vô cơ như bao bì đựng thức ăn... sẽ được thu gom riêng biệt, đặt vào thùng đựng rác và hợp đồng với tổ thu gom rác thôn Cu Hoan thu gom, xử lý với tần xuất 1 tuần/lần

- Thu gom xử lý CTR sản xuất: bao bì thức ăn khoảng 100 kg/ngày được thu gom bán phế liệu;

- CTR là phân thải:

+ Phân thải từ các chuồng nuôi tùy thuộc vào từng giai đoạn phát triển của lợn. Tại thời điểm lợn trưởng thành thì lượng phân phát thải lớn nhất khoảng 1.574 kg/ngày được thu gom cùng với nước thải, sau đó được dẫn về hồ thu gom, tại trại sẽ tiến hành tách phân thủ công, sau đó phân sẽ được đóng bao và đưa đi bón cây.

+ Bùn nạo vét từ hầm biogas sẽ được nạo vét với tần suất khoảng 2 năm/lần. Lượng bùn này khi được hút lên sẽ được đóng bao và đem đi bón cây.

- Đối với lợn chết thông thường: Trong quá trình chăn nuôi sẽ có tỉ lệ nhất định lợn chết cho các bệnh thông thường, số lượng lợn chết này sẽ được Cơ sở tiến hành thu gom xử lý chôn tiêu hủy bằng các hóa chất tiêu độc, khử trùng theo đúng quy định

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

* **Khối lượng CTNH phát sinh:**

Hoạt động của Cơ sở làm phát sinh các chất thải nguy hại gồm: Bóng đèn huỳnh quang, hộp mực in, thuốc thú y hết hạn sử dụng, kim tiêm, xác lợn chết do dịch bệnh,...

Bảng 9. Khối lượng CTNH phát sinh thường xuyên của Cơ sở

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in	08 03 18	Rắn	1
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh	16 01 06	Rắn	3
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn như kim tiêm, dụng cụ mổ,...lợn dịch bệnh) từ thú y thải	13 02 01	Rắn/lỏng	6 kg; Lợn dịch: tùy theo khả năng phòng chống dịch bệnh
4	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất	14 01 06	Rắn	10-15 kg/năm

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
	nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ như bao bì hóa chất độc hại, vỡ chai thuốc thú y...)			

CTNH là xác lợn bị dịch bệnh chết hàng loạt theo mức độ dịch bệnh, Chủ cơ sở phối hợp với các Cơ quan chức năng của địa phương để xử lý tiêu hủy đúng quy định.

*** Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:**

CTNH trong Cơ sở được thu gom theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường quy định:

- Công trình lưu giữ:

+ Đối với CTNH là bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh, hộp mực in đã được thu gom tập trung vào 01 thùng rác 120L có nắp đậy lưu tại kho chứa CTNH, bên ngoài thùng dán nhãn cảnh báo CTNH.

+ Đối với CTNH là bao bì thuốc thú y, thuốc hết hạn sử dụng, kim tiêm. Trang trại đã chủ động thu gom, lưu kho và sau đó trả lại cho đơn vị cung cấp là Công ty TNHH Butaphan Quảng Bình thu gom và chịu trách nhiệm hợp đồng xử lý.

+ Đối với xác lợn chết do dịch bệnh: CTNH là xác lợn bị dịch bệnh chết hàng loạt, Chủ cơ sở thực hiện các biện pháp theo hướng dẫn của Công văn số 5169/BNN-TY ngày 22/07/2019 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc hướng dẫn bổ sung một số biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi và thực hiện theo QCVN 01- 41:2011/BNNPTNT: Về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật, đồng thời phối hợp với các Cơ quan chức năng của địa phương để xử lý tiêu hủy đúng quy định. Chủ cơ sở đã bố trí hố hủy xác với diện tích 74m² khu vực phía Tây Nam của cơ sở. Kích thước hố hủy xác tùy thuộc vào khối lượng lợn cần tiêu hủy được cho xuống hố. Theo quy định tại QCVN 01 - 41: 2011/BNNPTNT, chiều rộng hố chôn không quá 03m để dễ thao tác, chiều dài có thể

9 – 12m, chiều sâu 1,2 – 1,5m. Hồ được lót bạt PVC (một loại vải Cơ sở polyester filament và nhựa dán PVC dán hai mặt).

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Cơ sở không có các hoạt động sản xuất gây tiếng ồn lớn, chỉ có hoạt động giao thông và tiếng ồn do lợn kêu. Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Đối với tiếng ồn của phương tiện giao thông được áp dụng các biện pháp quản lý nội vi như:

+ Không sử dụng các phương tiện vận chuyển quá cũ, phải có giấy đăng kiểm của cơ quan quản lý.

+ Không nổ máy trong quá trình bốc dỡ hàng hóa, bốc chuyển lợn.

- Đối với tiếng ồn do lợn kêu được áp dụng biện pháp: Trang trại áp dụng công nghệ chăn nuôi theo hướng công nghiệp tập cho mỗi con lợn có chung một đồng hồ sinh học, quá trình ăn, ngủ luôn đúng giờ làm cho lợn không ở trong tình trạng đói nên chúng không kêu đòi ăn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

*** Sự cố cháy nổ:**

- Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC; Đưa ra các nội quy không được hút thuốc trong quá trình làm việc.

- Bố trí các vật liệu cứu hỏa, bao gồm bình CO₂. Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện cho việc sử dụng. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Đối với hầm biogas, lớp phủ của hầm biogas được làm bằng bạt HDPE dày 1mm (lớn hơn lớp lót đáy) chịu được áp lực rất tốt nhằm phòng ngừa khả năng nổ hầm biogas.

- Thiết kế hệ thống dẫn điện theo đúng quy định an toàn, thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới dẫn điện. Từ đó, sẽ giảm thiểu được sự cố cháy do chập điện, phóng điện xảy ra.

- Phối hợp với Công an PCCC để tổ chức tập huấn PCCC định kỳ hàng năm cho toàn bộ nhân viên trong trại.

- Khi sự cố cháy nổ xảy ra, Chủ cơ sở cần phải thông báo kịp thời cho toàn bộ CBCNV trong Trang trại biết, sử dụng các phương tiện chữa cháy đã được trang bị kịp thời dập tắt hoặc hạn chế đến mức thấp nhất đám cháy, liên lạc với phòng cảnh sát PCCC và y tế để ứng cứu tại chỗ và di dời công nhân ra khỏi vùng nguy hiểm.

*** Sự cố tai nạn lao động, giao thông:**

- Tổ chức tập huấn an toàn lao động cho toàn bộ công nhân để có những phương án kịp thời ứng cứu nạn nhân khi có sự cố xảy ra.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV như khẩu trang, găng tay, mũ, giày... đồng thời giám sát, nhắc nhở công nhân phải mang theo bảo hộ lao động khi làm việc.

- Chấp hành nghiêm chỉnh luật an toàn giao thông đường bộ.

*** Sự cố sạt lở, lũ quét:**

- Trước khi có bão lũ xảy ra, cần thông báo kịp thời và có những phương án ứng cứu khi sự cố xảy ra.

- Chuẩn bị lực lượng, cơ sở vật chất, thiết bị để phối hợp với các ban ngành liên quan khác ứng phó, khắc phục trước và sau khi sự cố xảy ra.

- Khi có sự cố lũ quét, tiến hành sơ tán công nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, sử dụng các trang thiết bị và nhân lực tại chỗ để khống chế các sự cố có thể xảy ra đồng thời như cháy nổ. Thông báo cho Ban chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn cứu hộ tỉnh Quảng Trị, các ban ngành liên quan để kịp thời ứng cứu, xử lý sự cố xảy ra.

*** Dịch bệnh:**

Chủ động trong khâu phòng ngừa dịch bệnh một cách nghiêm ngặt; Tiêm vắc-xin ngừa bệnh; Xây dựng hệ thống khử trùng ngay cổng vào, định kỳ phun tiêu độc khử trùng, rắc vôi,..quanh chuồng trại; bố trí khu cách ly lợn.

*** Sự cố hệ thống xử lý nước thải:**

Chủ cơ sở đã thiết kế và thi công hệ thống xử lý nước thải theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Gia cố bờ các hồ chứa nước thải đảm bảo độ vững chắc, thường xuyên kiểm tra, theo dõi để xử lý kịp thời các dấu hiệu không an toàn đối với hệ thống xử lý. Báo cáo

kịp thời đến các cơ quan, đơn vị liên quan để xử lý trong trường hợp có sự cố. Hiện nay, cơ sở đã xây dựng 01 hồ gom, 01 hầm biogas, 01 hồ lắng, 01 bãi lọc ngầm, 01 hồ sinh học. Thời gian lưu nước 61 ngày tại hầm biogas, 20 ngày tại hồ lắng, 20 ngày tại hồ sinh học. Do đó khi có sự cố hư hỏng ở một trong các hạng mục vẫn đảm bảo được công tác lưu trữ, xử lý và có đủ thời gian để Chủ cơ sở khắc phục sửa chữa các hư hỏng.

*** Sự cố liên quan đến hầm biogas:**

- Hệ thống thu khí biogas được kiểm tra thường xuyên nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời khả năng rò rỉ khí và các khả năng mất an toàn khác. Để đảm bảo an toàn khi sử dụng, Chủ cơ sở không lắp đặt đường ống dẫn khí đi qua những nơi gần nguồn nhiệt, xa dụng cụ bắt lửa để tránh cháy nổ.

- Đối với sự cố vỡ hầm biogas, Chủ cơ sở áp dụng biện pháp sau: Các bờ taluy của hầm biogas được đắp dày, đầm nén kỹ, mặt đáy được lót bạt HDPE dày 0,5mm nhằm ngăn ngừa sự thẩm thấu nước thải vào mạch nước ngầm và giảm độ dính chặt của đất, qua đó sẽ phòng ngừa sự cố vỡ hầm biogas do hiện tượng sụt lõ đất kéo theo. Khi có sự cố vỡ hầm biogas xảy ra Chủ cơ sở sẽ thông báo kịp thời với đơn vị xây dựng hệ thống xử lý nước thải để khắc phục sự cố, đối với phân và nước tiểu lợn sẽ được chứa ở hầm chứa phân (phía dưới nền chuồng) tránh việc xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Các nội dung thay đổi của Dự án đầu tư so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng chưa đến mức phải thực hiện đánh giá tác động môi trường như sau:

Bảng 10. Các nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM được duyệt và các tác động môi trường từ việc thay đổi

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ

STT	Nội dung điều chỉnh	Theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Nội dung sau điều chỉnh	Các tác động môi trường từ việc thay đổi
1	Xử lý nước thải chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng 02 hầm biogas song song nhau với thể tích mỗi hầm 595m³. Thời gian lưu 35 ngày. - Bể Aerotank có thể tích 41m³. - Bể lắng sinh học có thể tích 9m³. Thời gian lưu nước 6h - Xây dựng 02 Hồ sinh học. Thể tích mỗi hồ 680m³. Thời gian lưu nước 20 ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ gom toàn bộ nước thải từ các khu chăn nuôi sẽ đổ về hầm biogas. - 01 hầm biogas, kích thước bề mặt: 24 x 22m; sâu 05m (thể tích 1.956m³). Thời gian lưu nước thải: 61 ngày. Nước thải từ hầm biogas sẽ được chảy ra hồ lắng. - Hồ lắng, kích thước bề mặt: 20 x 15m; sâu 3m (thể tích 662m³). Thời gian lưu nước thải: 20 ngày. - Bãi lọc ngầm 	<p>Xây dựng hệ thống xử lý nước thải phù hợp với điều kiện kinh tế và vận hành của cơ sở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công suất xử lý hoàn toàn đáp ứng với quy mô dự án 1.000 con/lúa. - Hiệu quả xử lý đảm bảo chất lượng nước thải phát sinh nằm trong giới hạn cho phép. - Nước thải sau xử lý được tận dụng 1 phần để tưới cây, giúp giảm thiểu các tác động đến

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ

STT	Nội dung điều chỉnh	Theo quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Nội dung sau điều chỉnh	Các tác động môi trường từ việc thay đổi
			<p>01, kích thước: bề mặt 28 x 18m; sâu 1,3m (thể tích 982m³).</p> <p>- Bãi lọc ngầm</p> <p>02, kích thước: bề mặt 25 x 10m; sâu 1,3m (thể tích 579m³).</p> <p>- Hồ sinh học, kích thước bề mặt: 33 x 26m; sâu 3m. Thời gian lưu nước thải: 20 ngày.</p>	<p>môi trường tiếp nhận, mặt khác tận dụng được nguồn tài nguyên nước, tận dụng được các chất hữu cơ còn lại trong nước thải sau xử lý, giảm thiểu chi phí sản xuất cho người nông dân; 1 phần xả ra khe nước phía Tây Nam của Cơ sở.</p>

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt từ 4 CBCNV tại trang trại.
- Nguồn số 02: Nguồn phát sinh nước thải chăn nuôi từ hoạt động chăn nuôi lợn công nghiệp của trang trại.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

1.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 10m³/bể được thấm ra môi trường. Nước thải sau khi xử lý ở bể tự hoại 3 ngăn, qua hố thấm vào đất trong khuôn viên của Cơ sở thuộc địa phận thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Định kỳ cơ sở thuê đơn vị Môi trường đô thị hút và xử lý đúng quy định.

- Dòng thải số 02: Phân từ khu vực chuồng trại được thu gom thủ công bằng hình thức cào đưa vào hố ủ phân định kỳ hằng ngày. Nước thải chăn nuôi (nước tiểu và một phần phân trộn lẫn trong nước tiểu) được thu gom toàn bộ về hố gom và xử lý bằng hầm biogas, hồ lắng, 02 bãi lọc ngầm, hồ sinh học. Nước thải sinh học từ hồ sinh học sẽ được xả ra khe nước phía Tây Nam của cơ sở, cách điểm xả thải khoảng 90m.

1.2.2. Vị trí xả thải

- Nguồn số 01: Hố thấm sau bể tự hoại khu vực vệ sinh trong khuôn viên trang trại. Tọa độ X: 1.851.567m; Y: 572.743m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰ 15', múi chiếu 3⁰).

- Nguồn số 02: Tại hồ sinh học sau bãi lọc ngầm. Tọa độ X: 1.851.364m; Y: 572.474m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰ 15', múi chiếu 3⁰).

1.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

- Dòng thải số 01: 0,4 m³/ngày.

- Dòng thải số 02: 32,5 m³/ngày.

1.2.3.1. Phương thức xả thải

- Dòng thải số 01: Nước thải sau khi xử lý tự thấm vào môi trường đất trong khuôn viên của Cơ sở. Hình thức xả thải: Tự thấm vào đất.

- Dòng thải số 02: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận là khe nước phía Tây Nam của Cơ sở. Hình thức xả thải: Tự chảy.

1.2.3.2. Chế độ xả thải: Xả liên tục.

1.2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt cột B của QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

Bảng 11. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH		5-9	Không áp dụng	Không áp dụng
2	BOD ₅	mg/l	60		
3	TSS	mg/l	120		
4	Sunfua	mg/l	4,8		
5	Amoni	mg/l	12		
6	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	60		
7	Tổng các chất hoạt động bề	mg/l	12		

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
	mặt				
8	Photphat (PO_4^{3-})	mg/l	12		
9	Coliforms	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: K là hệ số tính tới quy mô, loại hình dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư (đối với loại hình cơ sở sản xuất kinh doanh dưới 500 người, K=1,2).

- Dòng thải số 02: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT-QCKTQG về nước thải chăn nuôi (Cột B; $K_f=1,3$; $K_q=0,9$). Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải cụ thể ở bảng sau:

Bảng 10. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 62- MT:2016/BTNMT Cột B, $K_q=0,9$; $K_f=1,3$		
1	pH	-	5,5 – 9	06 tháng/lần	Không áp dụng
2	BOD ₅	mg/l	117		
3	COD	mg/l	351		
4	TSS	mg/l	175,5		
5	Tổng N	mg/l	175,5		
6	Coliform	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: Nguồn tiếp nhận nước thải là khe nước không có số liệu về lưu lượng, $K_q=0,9$; Lưu lượng nguồn thải $5 \leq F \leq 50 m^3/s$, $K_f=1,3$.

- Vị trí quan trắc định kỳ: Nước thải sau khi xử lý qua hồ sinh học của Trang trại

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ

chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ. X: 1.851.364m; Y: 572.474m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰ 15', múi chiếu 3⁰).

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh

- + Nguồn số 01: Mùi hôi phát sinh từ quạt thông gió, hồ tách phân, hồ lắng.
- + Nguồn số 02: Khí thải từ phát sinh từ hầm biogas.

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.2.1. Vị trí xả khí thải

- Dòng thải số 01: Mùi hôi phát sinh từ chuồng nuôi, bể tiếp nhận chất thải. Đây là nguồn thải phân tán bên trong Trang trại. X: 1.851.419m; Y: 572.767 (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

- Dòng thải số 02: Tại ống xả khí gas ở hầm biogas. X: 1.851.403m; Y: 572.755 (Hệ tọa độ VN2000, KTT 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

2.2.2. Lưu lượng xả khí lớn nhất: Nguồn phân tán không xác định lưu lượng.

2.2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Dòng thải số 01: Sau quạt thông gió của chuồng nuôi xả ra môi trường và khu vực bể tiếp nhận chất thải, thải liên tục (24 giờ).

- Dòng thải số 02: Khí thải tại van xả khí hồ biogas, xả gián đoạn.

2.2.2.2. Chất lượng xả ra môi trường

- Dòng thải số 01: Do lượng mùi phát sinh từ chuồng trại là nguồn thải phát tán, không xác định được lưu lượng nên quy chuẩn xả thải của trang trại là QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng không khí.

Bảng 12. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong môi trường không khí

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	NH ₃	mg/m ³	17	06 tháng/lần	Không áp dụng
2	H ₂ S	mg/m ³	10		

Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở: Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ

3	Bụi	mg/m ³	8		
---	-----	-------------------	---	--	--

Vị trí quan trắc định kỳ: 01 vị trí tại khu vực công trại; 01 vị trí tại khu vực phía sau quạt thông gió của chuồng nuôi.

- Dòng thải số 02: Chất lượng khí thải đầu xả khí gas từ hầm biogas phải đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_p=1$, $K_v=1,4$), cụ thể như sau:

Bảng 13. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đối với khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	NH ₃	mg/Nm ³	70	06 tháng/01 lần	Không áp dụng
2	H ₂ S	mg/Nm ³	10,5		
3	CO	mg/Nm ³	1.400		

Ghi chú: Cột B - Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015; Lưu lượng nguồn thải $\leq 20.000\text{m}^3/\text{h}$, $K_p=1$; Khu vực nông thôn miền núi, $K_v=1,4$.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung chủ yếu phát sinh từ các phương tiện giao thông và từ tiếng kêu của lợn, máy phát điện. Tuy nhiên, nguồn phát sinh nhỏ và đã được áp dụng các biện pháp giảm thiểu như đề xuất tại chương III. Do đó, Dự án đầu tư không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải

Trang trại đã thực hiện cải tạo và xây dựng hệ thống xử lý nước thải bao gồm: 01 hầm biogas, 01 hồ lắng, 02 bãi lọc ngầm, 01 hồ sinh học. Hiện tại, nước thải sau khi xử lý chưa thoát ra môi trường nên chủ cơ sở chưa tiến hành lấy mẫu nước thải đầu ra hệ thống.

Tuy nhiên, để đánh giá hiệu quả xử lý thì chủ cơ sở đã tiến hành lấy mẫu đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống. Kết quả phân tích được thể hiện tại Bảng 3.2 tại Chương 3

5.2. Kết quả quan trắc môi trường đối với khí thải

Để phục vụ lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, cơ sở đã thực hiện phân tích môi trường khí tại khu vực Trang trại, kết quả như sau:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05: 2023/BTNMT
			K1	K2	
1	Bụi	mg/m ³	0,120	0,126	0,3
2	Tiếng ồn	dbA	61,2	62,3	70 ⁽¹⁾
3	H ₂ S	mg/m ³	<0,012	<0,012	0,042 ⁽²⁾
4	NH ₃	mg/m ³	<0,015	<0,015	0,2 ⁽²⁾

Ghi chú: - Thời gian lấy mẫu: 30/12/2024

- K1: Tại khu vực cổng của trang trại;

- K2: Khu vực sau cánh quạt thông gió chuồng trại.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1h);

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn Quốc gia về tiếng ồn, độ rung;

Nhận xét: Qua bảng 5.1 cho thấy các chỉ tiêu giám sát đều nằm trong giới hạn cho phép của các Quy chuẩn về chất lượng môi trường không khí xung quanh, điều đó chứng tỏ trang trại trong thời gian hoạt động thực hiện đầy đủ các biện pháp phun chế phẩm, khử mùi, giảm nồng độ ô nhiễm đến môi trường xung quanh.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Đối với Cơ sở sẽ thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Sau khi được UBND tỉnh cấp GPMT, Chủ Cơ sở gửi thông báo tới Sở Tài nguyên và Môi trường trước 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Thời gian vận hành thử nghiệm kéo dài 3 ngày liên tục.

- Công suất dự kiến đạt được: 100% công suất.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

- Số lượng quan trắc: 01 vị trí.

- Vị trí quan trắc: Tại hồ sinh học, sau khi qua bãi lọc ngầm (vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải) - Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ. Tọa độ X: 1.851.364m; Y: 572.474m

- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Coliform.

- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B của QCVN 62-MT:2016/BTNMT ($K_q=0,9$; $K_f=1,3$) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: Đơn vị khác có năng lực đúng quy định; đáp ứng các tiêu chí lựa chọn nhà thầu của Chủ đầu tư.

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải: Cơ sở có lưu lượng thải < 200 m³/ngày đêm nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ hoặc tự động liên tục theo quy định tại Phụ lục

XXVIII, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Cơ sở có lưu lượng thải < 50.000 m³/giờ nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ hoặc tự động liên tục theo quy định tại Phụ lục XXIX - Dự án, Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ xả bụi, khí thải công nghiệp ra môi trường phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục, quan trắc định kỳ ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ vào Điều 112 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 thì Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.

*** Quan trắc nước thải:**

- Vị trí: Tại hồ sinh học, sau khi qua bãi lọc ngầm (vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải) - Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ. Tọa độ X: 1.851.364m; Y: 572.474m.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Thông số quan trắc: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Coliform.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Cột B của QCVN 62-MT:2016/BTNMT (K_q=0,9; K_f=1,3).

*** Quan trắc môi trường không khí vùng làm việc:**

- Vị trí: Khu vực phía sau quạt thông gió của chuồng nuôi – Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ. Tọa độ X: 1.851.419m; Y: 572.767.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Bụi lơ lửng, H₂S, NH₃, tiếng ồn.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

+ QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 02:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

*** Quan trắc môi trường không khí xung quanh:**

- Vị trí: Tại khu vực công trại – Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Lộ. Tọa độ X: 1.851.597, Y: 572.724

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Bụi lơ lửng, H₂S, NH₃, tiếng ồn.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT QCKTQG về tiếng ồn.

*** Quan trắc CTR, CTNH:**

- Thông số quan trắc: Thành phần, khối lượng và bảo quản lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH.

- Vị trí quan trắc: Tại kho chứa CTR, CTNH của trang trại.

- Tần suất quan trắc: 02 lần/năm.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm của Cơ sở là 30.000.000 đồng.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Từ khi đi vào hoạt động, Trang trại chưa có đoàn kiểm tra về lĩnh vực môi trường tại cơ sở.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan. Trong đó:

+ QCVN 05:2023/BTNMT.

+ QCVN 02:2019/BYT (Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi nơi làm việc); QCVN 03:2019/BYT (Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc); QCVN 24:2016/BYT (Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc); QCVN 26:2016/BYT (Quy định điều kiện vi khí hậu nơi làm việc).

+ QCVN 08:2023/BTNMT - QCKTQG về chất lượng nước mặt.

+ QCVN 09:2023/BTNMT - QCKTQG về chất lượng nước dưới đất.

+ QCVN 62-MT:2016/BTNMT - QCKTQG về nước thải chăn nuôi (cột B, $K_q=0,9$; $K_f=1,3$); QCVN 01-14:2010/BNNPTNT - QCKTQG điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

+ QCVN 14:2008/BTNMT - QCKTQG về nước thải sinh hoạt (cột B, $K=1,2$).

- Cam kết trong quá trình vận hành các công trình xử lý chất thải, nếu gặp phải các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sẽ tiến hành ngừng các hoạt động xả thải và khắc phục các công trình. Chỉ xả thải chất thải ra môi trường khi các thông số thải đảm bảo theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy tờ về đất đai của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường;
- Biên bản bàn giao nghiệm thu công trình xử lý chất thải;
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Mã số hợp tác xã: 3200596071

Đăng ký lần đầu, ngày 30 tháng 5 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 19 tháng 11 năm 2024

1. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT KINH DOANH
DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐOÀN KẾT**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên hợp tác xã viết tắt: **HTX ĐOÀN KẾT**

2. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Cu Hoan, Xã Cam Nghĩa, Huyện Cam Lộ, Tỉnh Quảng
Trị, Việt Nam

Điện thoại: 0847317555 Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng)

4. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:

Họ và tên **VÕ VĂN SỸ** Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc htx

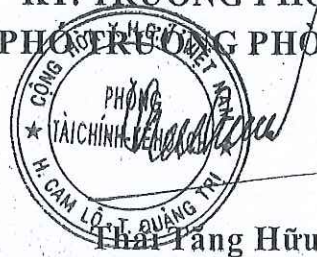
Sinh ngày: 15/01/1970 Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 045070007092

Ngày cấp: 12/05/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ liên lạc: Thôn Định Sơn, Xã Cam Nghĩa, Huyện Cam Lộ, Tỉnh Quảng Trị

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

I. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 301, Tờ bản đồ số: 74 (201/ĐĐCLBĐ)
- b) Địa chỉ: Thôn Cu Hoan - xã Cam Nghĩa - huyện Cam Lộ - tỉnh Quảng Trị
- c) Diện tích: 10387 m²
(Bằng chữ: Mười nghìn ba trăm tám mươi bảy mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: + Riêng: 10387 m² + Chung: không
- đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác (NHK)
- e) Thời hạn sử dụng: Đến tháng 7/2066

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần

"2. Nhà ở: -/-"

- a) Địa chỉ: -/-
- b) Diện tích xây dựng: -/-
- c) Diện tích sàn: -/-
- d) Kết cấu: -/-
- đ) Cấp (Hạng): -/-
- e) Số tầng: -/-
- g) Năm hoàn thành xây dựng: -/-
- h) Thời hạn sở hữu: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

Tên công trình:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

- a). Diện tích có rừng: -/-
- b). Nguồn gốc tạo lập: -/-
- 5. Cây lâu năm: -/-
- 6. Ghi chú:

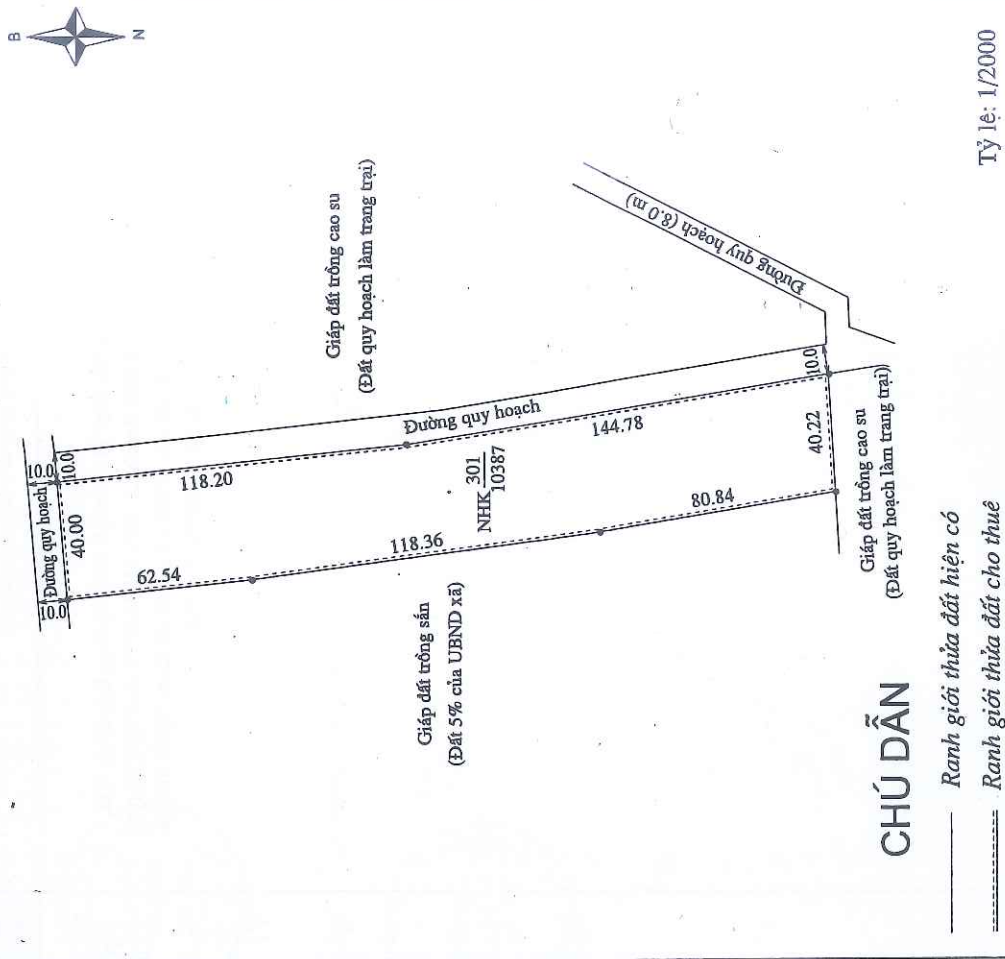
Cam Lộ, ngày 27 tháng 7 năm 2016
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



Số văn số cấp GCN: CH 11.2.46.....

Ngô Quang Chiến

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



CHÚ DẪN

- Ranh giới thửa đất hiện có
- - - - - Ranh giới thửa đất cho thuê

Tỷ lệ: 1/2000

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

L. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: Nguyễn Ngọc Xuân

Sinh năm 1968, số CMND: 190.971.214, ngày cấp: 14/5/2002 nơi cấp: Công an tỉnh Q. Trị

Bà: Lê Thị Thu

Sinh năm 1970, số CMND: 191.247.611, ngày cấp: 14/5/2002 nơi cấp: Công an tỉnh Q. Trị

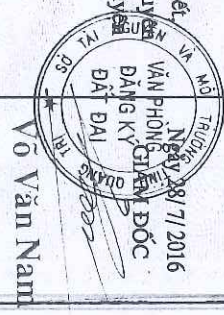
Hộ khẩu thường trú : Thôn Cu Hoan - xã Cam Nghĩa - huyện Cam Lộ - tỉnh Quảng Trị

CB 556172

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

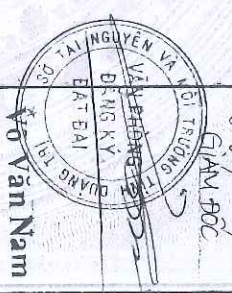
Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Góp vốn cho Hợp tác xã Sản xuất kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Đoàn Kết.
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 30E-01034/HTX do UBND huyện Cam Lộ cấp ngày 30/5/2014, địa chỉ: Thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, theo hồ sơ số 000925.GP.098./



Võ Văn Nam

Xóa nội dung đăng ký góp vốn ngày 28/7/2016, dựa trên hồ sơ số: 004458.XV.140.1/PĐ



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

19621.16.004458

Ghi chú: Kèm theo Giấy chứng nhận này có trang bổ sung số: 01,

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số:

30147/0207

Tờ bản đồ số:

74

Số phát hành GCN: CB 556172

Số vào sổ cấp GCN: CH 00240

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
<p>Thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; Địa chỉ: Km 12- Quốc lộ 9, thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị; theo hồ sơ số: 000927.TC.1001/2016</p> <p>Xóa việc dùng đăng ký thế chấp ngày 02/8/2016 theo hồ sơ số 000927.XC.012/2016</p>	<p>Ngày 02/8/2016</p> <p>M. TRUONG KIỂM TRA GIAM ĐỐC</p> <p>V. PHONG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI</p> <p>NGUYỄN VĂN PHONG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI</p> <p>W. VAN NAM W. VAN NAM</p>



Số: 2024/KQTN-D1230-T577

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Customer : Hợp tác xã Sản xuất – Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Đoàn Kết
- Địa điểm/ Address : Trang trại lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ
- Tên mẫu/ Name of sample : Nước thải
- Mã mẫu/ Sample code : NT290/30122024
- Số lượng/ Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 30/12/2024
- Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 15/01/2025

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result	QCVN 62-MT :2016/BTNMT Cột B
				NT	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	8,02	5,5 - 9
2.	TSS	mg/l	SMEWW 2540D: 2017	25	150
3.	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	118,03	300
4.	BOD	mg/l	SMEWW 5210B:2017	49,7	100
5.	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	144,7	150
6.	Coliform (*)	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	2.900	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:

+ NT: Mẫu nước thải sau HTXLNT của Trang trại, Tọa độ: 106°56'02,51" E; 16°44'16,90" N

- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:

- QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Laboratory

Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 15 tháng 01 năm 2025



GIÁM ĐỐC
Director

Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimcerts và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm



Số: 2024/KQTN-D1230-K576

Ban hành lần: 01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Customer : Hợp tác xã Sản xuất – Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Đoàn Kết
- Địa điểm/ Address : Trang trại lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ
- Tên mẫu/ Name of sample : Không Khí
- Mã mẫu/ Sample code : KK290/30122024
- Số lượng/ Quantity : 02
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 30/12/2024
- Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 06/01/2025

STT / No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Test method	Kết quả thử nghiệm/ Result		QCVN 05: 2023/ BTNMT
				K1	K2	
1	Bụi lơ lửng	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,120	0,126	0,3
2	NH ₃	mg/m ³	TCVN 5293:1995	<0,015	<0,015	0,2
3	H ₂ S	mg/m ³	MASA 701	<0,012	<0,012	0,042
4	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	61,2	62,3	70 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu/Sampling location:

+ K1: tại khu vực cổng của trang trại. Tọa độ: 106°56'01,87" E; 16°44'24,71" N;

+ K2: sau cánh quạt của trang trại. Tọa độ: 106°56'01,30" E; 16°44'20,69" N.

- Quy chuẩn so sánh/Comparative standards:

+ QCVN 05: 2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Head of Laboratory

Trương Văn Dũng

Quảng Bình, ngày 06 tháng 01 năm 2025



GIÁM ĐỐC
Director

Trần Thị Ngọc Bé

- (-) Không quy định

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- Các chỉ tiêu đánh dấu (*) chưa được công nhận Vimcerts và được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan,
xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ”

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ” tại Thông báo kết quả thẩm định ngày 09/12/2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 15/CVMT ngày 17/12/2021 của Hợp tác xã Sản xuất – Kinh doanh dịch vụ tổng hợp Đoàn Kết;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4572/TTr-STNMT ngày 31/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ” (sau đây gọi là Dự án) của Hợp tác xã Sản xuất – Kinh doanh dịch vụ tổng hợp Đoàn Kết (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

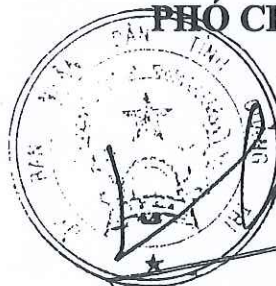
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND huyện Cam Lộ, Chủ tịch UBND xã Cam Nghĩa; Giám đốc Hợp tác xã Sản xuất – Kinh doanh dịch vụ tổng hợp Đoàn Kết chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /v

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu: VT, KT_{Thu} *TC*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hà Sỹ Đông

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN CÔNG NGHIỆP
TẠI THÔN CU HOAN, XÃ CAM NGHĨA, HUYỆN CAM LỘ”

(Kèm theo Quyết định số ~~107~~/QĐ-UBND ngày ~~13~~ tháng ~~01~~ năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Thông tin về dự án ★

1.1. Tên dự án

Trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp tại thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ.

1.2. Chủ dự án

- Chủ dự án: Hợp tác xã Sản xuất – Kinh doanh dịch vụ tổng hợp Đoàn Kết.
- Địa chỉ: Thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện: Ông Võ Văn Sỹ; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc.
- Điện thoại: 0847.317.555.

1.3. Vị trí địa lý của dự án

Dự án có vị trí tại thửa đất số 301, tờ bản đồ số 74 thuộc thôn Cu Hoan, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với diện tích là 10.387 m².

1.4. Quy mô, công suất của dự án

* *Quy mô diện tích:* Dự án có tổng diện tích sử dụng đất 10.387 m², quy mô sử dụng đất của Dự án được thể hiện dưới bảng sau:

Bảng 1.1. Quy mô diện tích sử dụng đất của Dự án

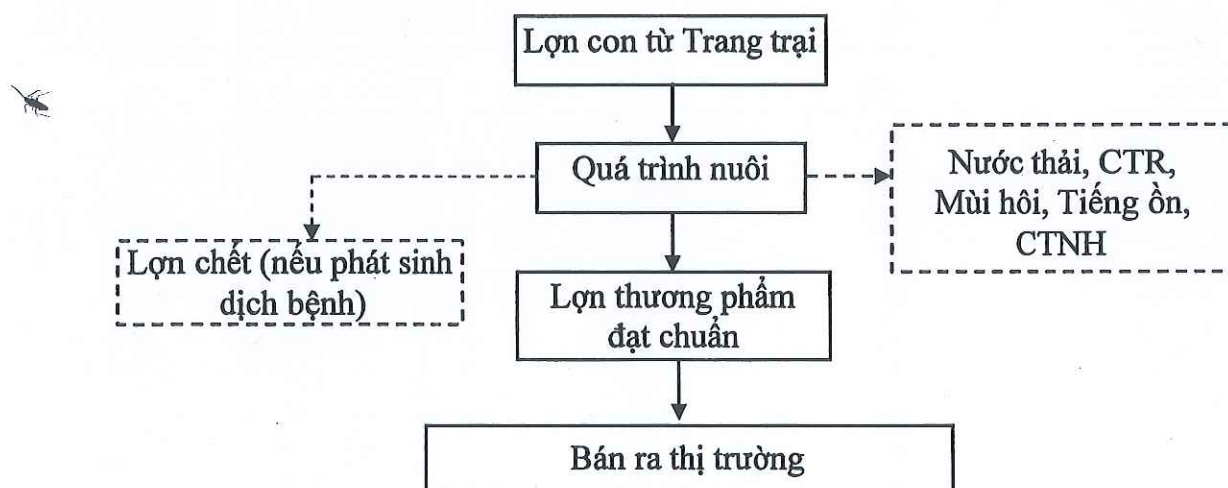
TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Hạng mục chính		2.590	
1	Nhà lợn thương phẩm	02	990	Chưa xây dựng
2	Nhà lợn nái	02	1.200	Đã xây dựng
3	Nhà lợn cai sữa	01	400	
II	Hạng mục phụ trợ		1.188	
1	Nhà kho thức ăn và thuốc thú y		150	Đã xây dựng
2	Nhà ở công nhân	01	150	
3	Nhà vệ sinh	02	50	
4	Nhà sát trùng công nhân	01	30	
5	Bể chứa nước	03	30	
6	Sân đường nội bộ		698	Đã xây dựng 1 phần
7	Nhà bảo vệ	01	20	Chưa xây dựng
8	Nhà sát trùng xe	01	60	
III	Hạng mục BVMT		6.609	
1	Cây xanh (cây tràm)	-	5.017	Đã trồng 2.100m ²

TT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
2	Hố hủy xác (lợn bệnh, lợn chết)	01	74	Chưa xây dựng
3	CTR (60m ²), CTNH (20m ²)	01	80	Đã xây dựng kho CTR
4	Hệ thống xử lý phân, xử lý nước thải	02	1.000	Đã xây dựng 01 hố gom, 01 hầm biogas, 02 hồ lắng
5	Kho phân + ủ phân, bùn thải	02	338	Chưa xây dựng
6	Nhà cách ly	01	100	
TỔNG			10.387	

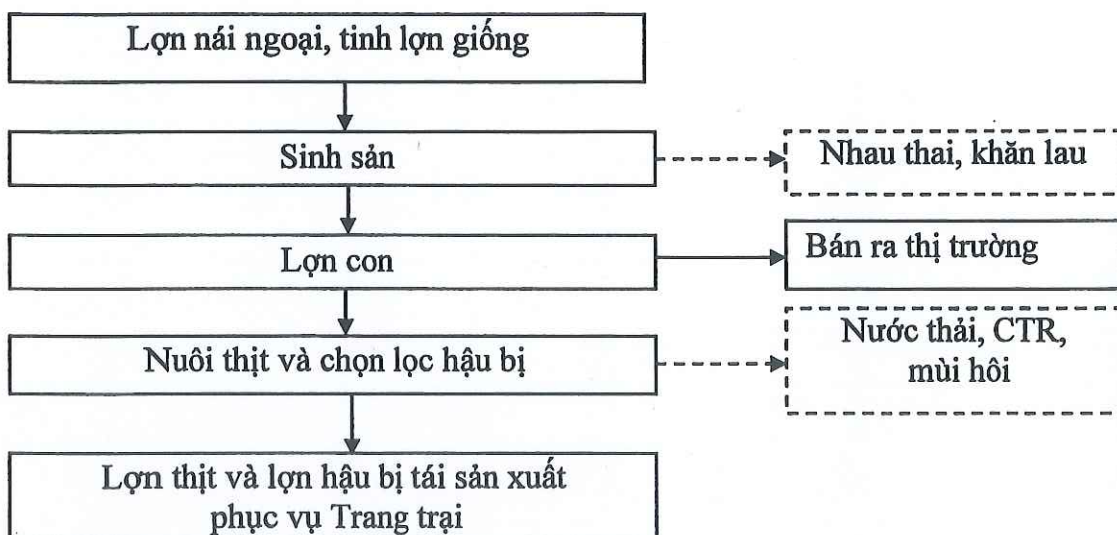
* Quy mô công suất: 200 nái và 800 lợn thịt/lứa (2 lứa/năm).

1.5. Công nghệ sản xuất, vận hành

Quy trình chăn nuôi lợn thương phẩm



Quy trình chăn nuôi lợn nái



1.6. Các hạng mục công trình của dự án

1.6.1. Các hạng mục công trình chính

* Hạng mục đã xây dựng

- Nhà lợn nái: Có diện tích 600m²/nhà, gồm 02 nhà đã được xây dựng theo kết cấu BTCT, trần nhà đóng bằng tôn lạnh.

- Nhà lợn cai sữa: Có kích thước (15×14)m đã được xây dựng theo kết cấu BTCT. Nền chuồng đổ bê tông, xen giữa liên kết với mương thoát nước rộng 250 mm xây bằng gạch đặc, liên kết đà dầm lát các tấm đan nhựa có đục lỗ để thoát nước thải và phân. Trần nhà đóng bằng tôn lạnh.

+ Vách ngăn trong 1 nhà nuôi rộng 1,42 m. Hệ thống thu phân và nước tiểu chuồng nuôi được thiết kế theo dạng vát góc có độ nghiêng dần về giữa dãy chuồng, đáy bằng bê tông M150; rãnh thu nước thải bằng ống PVC D250, dày 7,3 mm và có hố ga thăm kích thước (1.000×1.000) mm.

+ Hệ thống máng ăn inox được bố trí gần với hành lang đi để công nhân dễ dàng thao tác đổ thức ăn vào máng tự động.

* Hạng mục xây mới

- Nhà lợn thương phẩm: gồm 02 nhà nuôi có diện tích 495m²/nhà được xây dựng theo kết cấu BTCT, trần nhà đóng bằng tôn lạnh.

+ Hệ thống cấp nước cho lợn uống chạy dọc nhà lợn thương phẩm, được đưa về từng ô nuôi, sử dụng núm uống Ø21 để cho lợn uống.

+ Trang trại được làm mát với hệ thống Cooling Pad. Hệ thống sẽ phun sương toàn bộ chuồng để điều hòa nhiệt độ trong chuồng.

+ Trong nhà nuôi được chia làm 2 ngăn có lối đi ở giữa. Độ dốc của nền chuồng từ 3 – 5%, hai bên sườn của mỗi nhà nuôi có rãnh thu gom nước thải và phân với kích thước rộng 0,8m, sâu 0,3m được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung nằm phía cuối nhà nuôi.

1.6.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án

* Hạng mục đã xây dựng: Nhà làm việc và nhà ăn ở công nhân, nhà sát trùng công nhân, nhà kho thức ăn được xây dựng theo kết cấu BTCT, trần nhà đóng bằng tôn.

* Hạng mục xây dựng mới

- Nhà cách ly, nhà sát trùng xe, nhà bảo vệ: được xây dựng theo kết cấu BTCT, trần nhà đóng bằng tôn.

- Đường giao thông nội bộ: Nền đổ bê tông đá 4×6, dày 100 đảm chặt, có cắt khe co giãn (2,5×2,5)m, rộng 25mm. Riêng đường nội bộ được lát gạch kích thước (225×112,5×60)mm.

- Hệ thống cấp nước: Sử dụng 02 giếng khoan đã có trong khuôn viên Trang trại để cung cấp cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất. Nước bơm lên được đưa vào bể chứa của trang trại và chảy đến các vị trí sử dụng. Đối với hệ thống cấp nước cho các dãy chuồng được lắp đặt bằng ống PVC D34 (ống nhánh dẫn đến từng chuồng nuôi) và D60 (ống chính). Tại mỗi chuồng nuôi được lắp đặt một van riêng để thuận tiện cho việc cung cấp và sửa chữa hệ thống.

1.6.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

* Các hạng mục đã xây dựng

- Kho CTR: có chiều cao 3,5 m, diện tích 60 m², sử dụng khung thép chịu lực và tôn lợp sóng dày 0,4 mm. Hạng mục này sẽ tiếp tục được sử dụng trong thời gian tới.

- Hệ thống xử lý nước thải: nước thải của Trang trại được thu gom về 01 hố gom kích thước: (1,5×1,5×1,5)m, 01 hầm biogas kích thước: (30×17×4,5)m, sau đó qua 02 hồ sinh học có kích thước lần lượt là: (8×12×4)m và (4×10×4)m trước khi thải ra môi trường.

- Nhà vệ sinh: đã xây dựng 01 nhà vệ sinh tự hoại 3 ngăn có thể tích 10m³ để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của CBCNV. Công trình này sẽ tiếp tục được sử dụng trong thời gian tới.

- Cây xanh: Diện tích đất cây xanh hiện tại của Trang trại khoảng 2.100m² bao gồm các loài cây: chuối, tràm, thanh long, bơ,... Trong thời gian tới, chủ Dự án sẽ trồng bổ sung thêm 2.971 m² cây xanh, nâng tổng diện tích cây xanh lên thành 5.017m² (chiếm 49% tổng diện tích khu đất).

* Các hạng mục xây mới

- Hệ thống thoát nước mưa: Sử dụng mương hở, xây bằng bê tông mác 250, kích thước (0,7×0,5)m, hệ thống ống dẫn được bố trí dọc theo tuyến đường nội bộ của Trang trại với tổng chiều dài là 600m, bố trí 10 hố ga để lắng các tạp chất trước khi thoát ra khe Vực Dài nằm cách Dự án khoảng 90m về phía Tây Nam rồi theo khe này chảy ra sông Vĩnh Phước.

- Hố hủy xác lợn chết: Hố có diện tích 74 m², sâu 1,2-1,5m. Hố được lót bạt PVC (một loại vải cơ sở polyester filament và nhựa dán PVC dán hai mặt).

- Kho chứa CTNH: Kho chứa CTNH có diện tích 20 m². Kết cấu bằng khung thép chịu lực chính, tường bằng tôn lợp sóng dày 0,4 mm bao quanh. Mái lợp tôn sóng vuông xốp nhựa dày 0,4 mm; xà gỗ thép, cửa kính khung nhôm.

- Nhà ép phân: Nhà có diện tích 50 m² kích thước (5×10) m, nhà được xây dựng theo kết cấu: Móng đơn, tường xây blo cao 1m, mái lợp tôn, chiều cao từ nền lên đỉnh mái là 3,5m.

- Kho phân và khu vực ủ phân, bùn thải:

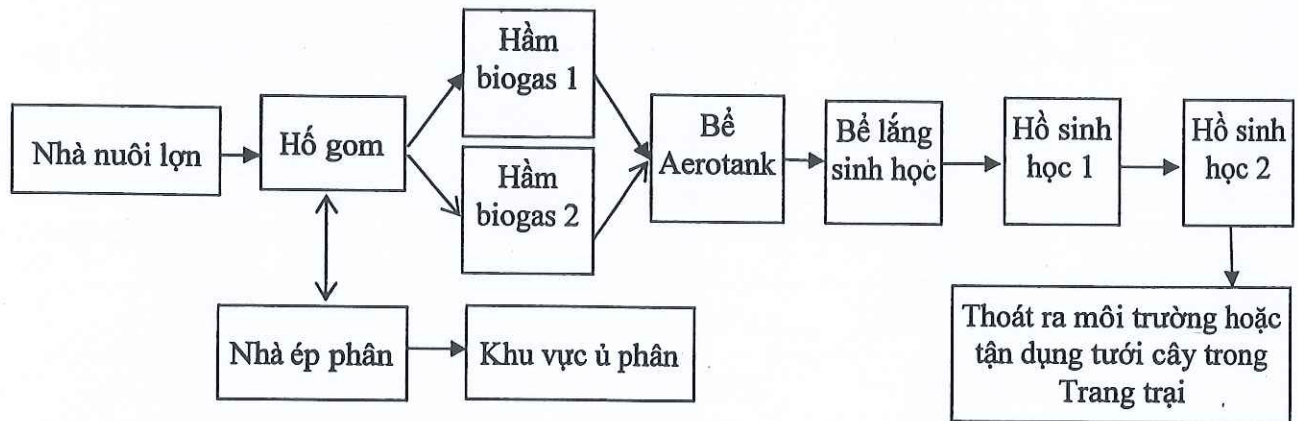
+ Đối với khu vực ủ phân: bố trí khu vực ủ phân có mái che, tường bao quanh với diện tích 256m². Hố được lót bạt taluy, xung quanh nền đổ bê tông đá 4×6, dày 100 đầm chặt. Hố được phủ bạt trong quá trình ủ phân.

+ Đối với khu vực ủ bùn thải: có diện tích 32m², có mái che, tường bao quanh xung quanh nền đổ bê tông đá 4×6, dày 100 đầm chặt. Hố được phủ bạt trong quá trình ủ phân.

+ Đối với kho chứa phân: Phân sau khi đã hoai được đóng vào bao để lưu tại kho chứa có diện tích 50m². Kho phân có cấu tạo nền xi măng, móng tường xây bằng bê tông M75, vữa M75; tường xây gạch dày 100 – 200 mm cao 2,6 m. Mái lợp tôn sóng vuông, cửa đi 2 lá.

- Hệ thống xử lý nước thải: Tổng lượng nước thải của Trang trại là $34\text{m}^3/\text{ngày}$ sẽ theo đường ống thu gom dẫn về 01 hố gom, sau đó chảy đồng thời qua 02 hầm biogas, 1 bể aerotank, 1 bể lắng sinh học và 02 hồ sinh học để xử lý đạt quy chuẩn cột B của QCVN 62-MT:2016/BTNMT, trước khi thải ra môi trường vào mùa mưa (vào mùa khô lượng nước thải này sẽ được tận dụng để tưới cây trong Trang trại). Tất cả các hầm biogas, bể aerotank và hồ sinh học đều được lót bạt HDPE ở đáy.

Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải như sau:



2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án: (Chi tiết tại bảng 5.1, mục 2).
3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án: (Chi tiết tại bảng 5.1, mục 3).
4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án: (Chi tiết tại bảng 5.1, mục 3).
5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án
- 5.1. Chương trình quản lý môi trường

Bảng 5.1. Chương trình quản lý môi trường của Dự án

TT	Các tác động	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí (ngàn đồng)	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Trách nhiệm giám sát
I	Giai đoạn thi công xây dựng					
1	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động giải phóng mặt bằng - Bụi từ quá trình san gạt mặt bằng - Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận tải, máy móc thi công, từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu - Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện, máy móc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lu lèn đầm chặt đảm bảo hạn chế phát tán bụi do gió. - Phun nước tần suất 02 lần/ngày tại đi qua khu dân cư thôn Cu Hoan với chiều dài khoảng 400m. - Không sử dụng các phương tiện đã quá cũ có khả năng phát sinh khí thải lớn. - Các phương tiện vận chuyển phải có bạt che phủ và không chở quá tải. 	1.500/ngày (phun nước)	Trong suốt quá trình thi công xây dựng	Đơn vị thi công và Chủ dự án	Chủ dự án
2	Nước thải từ quá trình thi công xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 10 m³ đã được xây dựng. - Xây dựng hệ thống thoát nước mưa có chiều dài 600m. - Đắp taluy với độ cao +1m, rộng 2m xung quanh hồ sinh học. - Quá trình thi công tận dụng tối đa nguồn nước để phục vụ cho việc bảo dưỡng công trình. 	150.000 (hệ thống thoát nước)			
3	CTR xây dựng, CTR sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - CTR xây dựng tái sử dụng cho các mục đích khác nhau như: đắp taluy xung quanh hồ sinh học, san lấp mặt bằng, làm đường giao thông hoặc bán phế liệu. - Rác thải sinh hoạt thu gom bỏ vào 02 thùng rác loại 120L bố trí ở khu nhà ở đã được xây dựng, sau đó thuê đơn vị có năng lực thu gom xử lý. 	1.100/thùng	Trong suốt quá trình thi công xây dựng	Đơn vị thi công và Chủ dự án	Chủ dự án

4	Sự cố sạt lở, thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh. - Tổ chức kiểm tra định kỳ sự ổn định của hố móng, thực hiện gia cố móng nếu thấy có nguy cơ xói xung quanh hố móng. 	-				
5	Sự cố cháy nổ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường dây điện từ trạm biến áp của Trang trại đến khu vực thi công phải là các đường dây kín, đảm bảo an toàn trong sử dụng. - Trang bị các máy bơm nước và các dây, ống dẫn nước để ứng phó kịp thời khi có đám cháy xảy ra. 					
6	Sự cố tai nạn lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị đầy đủ, đúng chủng loại các phương tiện bảo hộ lao động và thực hiện các chế độ về an toàn, theo quy định. - Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở công nhân phải sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc. 					
7	Sự cố sạt lở, thiên tai	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình kiên cố, chịu được sức gió mạnh. - Tổ chức kiểm tra định kỳ sự ổn định của hố móng, thực hiện gia cố móng nếu thấy có nguy cơ xói xung quanh hố móng. 					
II Giai đoạn hoạt động							
1	Khí thải, mùi hôi từ phân lợn	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế chuồng trại thoáng mát, lắp đặt các quạt làm mát và hút mùi. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo mùi hôi không phát sinh từ nước thải. - Vệ sinh chuồng trại (tần suất 1 lần/ngày), phun chế phẩm EM, phun thuốc sát trùng (tần suất 5-7 ngày/lần). 	1.000/tháng				Chủ dự án
							Chủ dự án
							Trong suốt thời gian hoạt động Trang trại

	CTR từ bao bì thức ăn	<ul style="list-style-type: none"> - CTR từ bao bì thức ăn: Thu gom, phân loại, tái sử dụng hoặc bán cho các cơ sở tái chế. - Lưu trữ trong kho chứa CTR có S=60 m². 	40.000			
	CTNH	<ul style="list-style-type: none"> - Thu gom, phân loại. - Lưu trữ trong 01 thùng loại 120L, lưu trong kho chứa CTNH có S = 20 m². - Dự kiến sẽ hợp đồng với đơn vị có năng lực để xử lý. 	550/thùng 1.100/thùng - 10.000/kho CTNH			
4	Dịch bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động trong khâu phòng ngừa dịch bệnh từ công tác chuẩn bị cho đến ứng phó khi dịch bệnh xảy ra. - Phương châm phòng bệnh hơn trị bệnh. - Bố trí khu vực hủy xác 74 m². - Xây nhà khử trùng công nhân, khử trùng xe, hó hủy xác để phòng bệnh. - Duy trì chế độ phòng ngừa dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan thú y địa phương, bố trí cán bộ thú y có chuyên môn. - Khi có dịch bệnh xảy ra sẽ tổ chức các biện pháp như: Cách ly những con lợn có triệu chứng nhiễm bệnh; Lập tức báo cho cơ quan chính quyền địa phương, Trạm chăn nuôi và Thú y huyện Cam Lộ, Chi cục Chăn nuôi và Thú y Quảng Trị; Tiêm ngừa phòng bệnh cho lợn nốt chung với lợn bị bệnh; Tăng cường vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, vitamin tăng sức đề kháng cho lợn. 	10.000 (hồ hủy xác)	Trong suốt thời gian hoạt động Trang trại	Chủ dự án	Chủ dự án
5	Sự cố cháy nổ	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC. - Đưa ra các nội quy không được hút thuốc trong quá trình làm việc, đặc biệt tại khu vực hệ thống biogas. 	10.000			

6	Sự cố tai nạn lao động, giao thông;	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn an toàn lao động với 01 lần/năm. - Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: khẩu trang, mũ, giày, áo quần bảo hộ... - Chấp hành nghiêm chỉnh luật an toàn giao thông đường bộ. 	4.000			
	Sự cố hệ thống xử lý nước thải	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế và vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn. - Kiểm tra, bảo dưỡng HTXLNT với tần suất 6 tháng/lần. 	-			
	Sự cố bảo lũ, sạt lở	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các công trình kiên cố, theo đúng thiết kế. - Chuẩn bị cơ sở, vật chất để kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra. 	-			

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giám sát môi trường giai đoạn triển khai xây dựng

a. Giám sát môi trường không khí

- Thông số giám sát: Độ ồn, độ bụi, CO, NO_x, SO₂.
- Số lượng giám sát: 02 vị trí;
- Vị trí giám sát:
 - + Trong khu vực Dự án đang thi công;
 - + Trên tuyến đường liên thôn Cu Hoan – Đại Nghĩa, cách Dự án khoảng 200m về phía Đông.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 24:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT.

b. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khe Vực Dài nằm cách khu vực Dự án khoảng 90m về phía Tây Nam.
 - Các thông số giám sát: pH, DO, BOD₅, TSS, COD, Nitrat, Photphat, Coliform.
 - Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.
 - Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

c. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Tại khu vực tập trung chất thải rắn của Trang trại.
- Các thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn và CTNH.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2.2. Giám sát nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Số lượng giám sát: 02 vị trí;
- Vị trí giám sát:
 - + 01 vị trí tại hố gom trước khi vào hệ thống xử lý biogas;
 - + 01 vị trí sau khi qua hệ thống xử lý;
- Loại mẫu: mẫu đơn và tổ hợp theo quy định cho từng giai đoạn.
- Thông số giám sát: Lưu lượng thải, pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Coliform.
- Tần suất giám sát:
 - + Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của từng công đoạn xử lý).

+ Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh. Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột B);

5.2.3. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành dự án

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí

* Giám sát môi trường không khí

- Số lượng giám sát: 02 vị trí;

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí cổng chính ra vào Trang trại;

+ 01 vị trí tại khu vực xả của quạt hút nằm phía Đông của Trang trại.

- Các thông số giám sát: Bụi, H₂S, NH₃, Tiếng ồn.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;

b. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khe Vực Dài nằm cách khu vực Dự án khoảng 90m về phía Tây Nam;

- Các thông số giám sát: pH, DO, BOD₅, TSS, COD, Nitrat, Photphat, Coliform.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

b. Giám sát chất lượng nước thải

- Số lượng giám sát: 02 vị trí

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí tại hố gom trước khi vào hệ thống xử lý biogas;

+ 01 vị trí sau khi qua hệ thống xử lý;

- Các thông số giám sát: lưu lượng thải, pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Coliform.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B)

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

d. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Tại khu vực tập trung chất thải rắn của Trang trại

- Các thông số giám sát: Thành phần, khối lượng và hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn và CTNH

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

- Quản lý và xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT; QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 26/2016/BYT (quy định điều kiện vi khí hậu nơi làm việc); QCVN 02:2019/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc); QCVN 03:2019/BYT (Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc).

- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 24/2016/BYT (mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc).

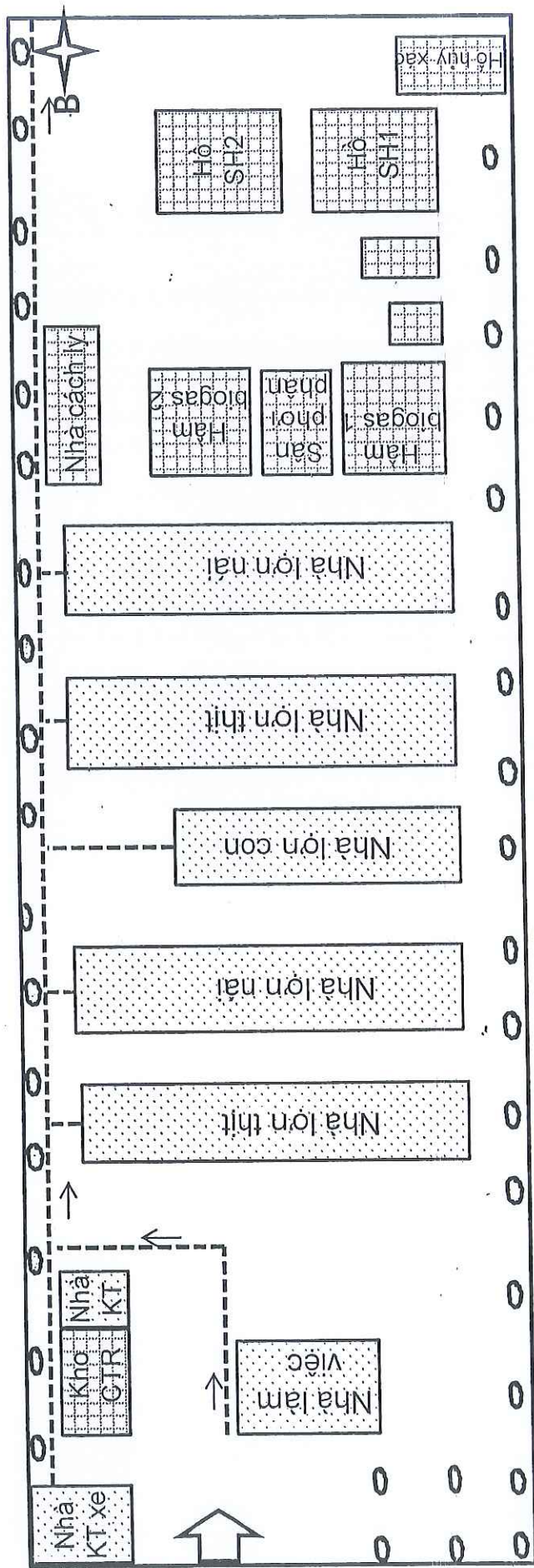
- Quản lý và xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT; QCVN 62-MT:2016/BTNMT.

- Thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý CTR, quản lý CTNH theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH và các văn bản hướng dẫn liên quan; tuân thủ các quy trình về đảm bảo an toàn lao động, phòng ngừa, ứng phó với các sự cố môi trường

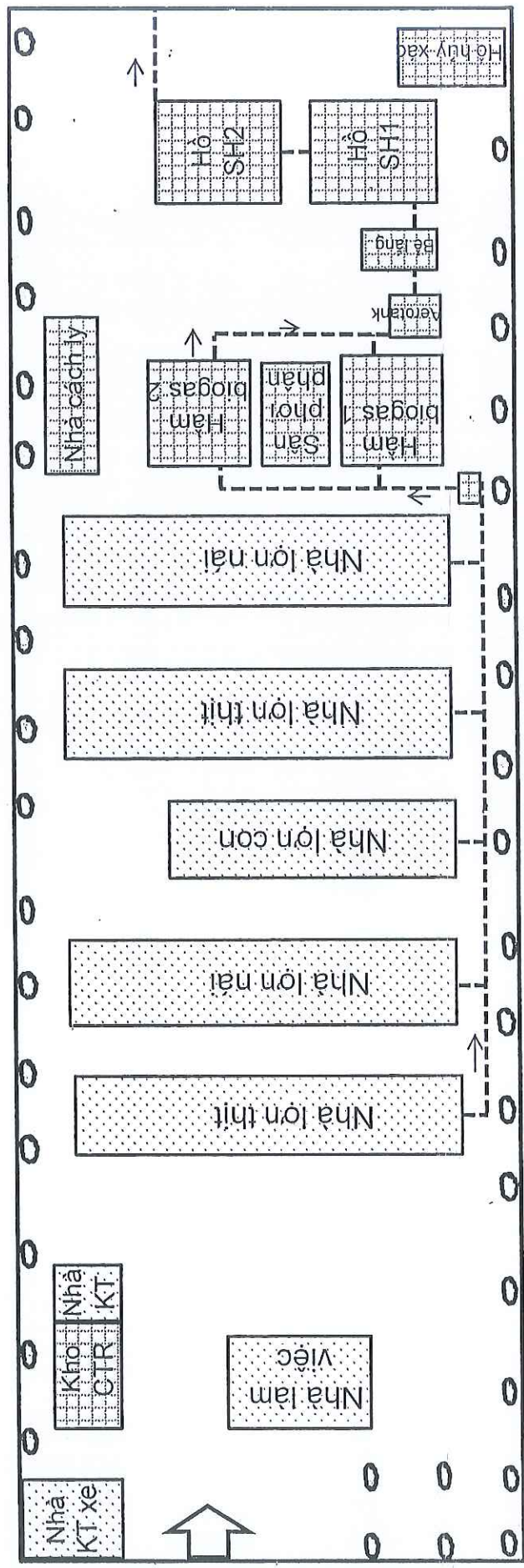
- Thực hiện các biện pháp vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, an toàn sinh học trong chăn nuôi theo QCVN 01-14:2010/BNNPTNT; QCVN 01-39:2011/BNNPTNT; QCVN 01-41:2011/BNNPTNT và các quy chuẩn liên quan đến ngành chăn nuôi.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường; định kỳ tối thiểu 06 tháng/lần, báo cáo kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường.

**SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC MƯA DỰ ÁN: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN
CÔNG NGHIỆP TẠI THÔN CU HOAN, XÃ CAM NGHĨA**



**SƠ ĐỒ THOÁT NƯỚC THẢI DỰ ÁN: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN
CÔNG NGHIỆP TẠI THÔN CU HOAN, XÃ CAM NGHĨA**



**SƠ ĐỒ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỦA DỰ ÁN
TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN CÔNG NGHIỆP TẠI THÔN CU HOAN, XÃ CAM NGHĨA, HUYỆN CAM LỘ**

